

Kinh; tôn giáo: Không; con ông Lại Quang M và bà Trần Thị T; có vợ là Tạ Thị Kim A, có 02 con (con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2013); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/10/2019; có mặt.

3. Tạ Thị S; tên gọi khác: Không; sinh năm 1969 tại huyện Khoái C, tỉnh Hưng Yên; nơi cư trú: Tổ 8, phường Trung T, thị xã Nghĩa L, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Tạ Đình T1 (đã chết) và bà Đỗ Thị T2 (đã chết); có chồng là Bùi Văn T3 (đã chết), có 02 con (con lớn sinh năm 1993, con nhỏ sinh năm 1994); tiền án, tiền sự: không; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/10/2019; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn N: Luật sư Phan Văn N1 - Văn phòng luật sư Việt B thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lai Châu; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Tạ Thị S: Luật sư Nguyễn Văn Đ - Văn phòng luật sư Hồng G thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; có mặt. Luật sư Ma Ngọc Mạnh L1 - Văn phòng luật sư Anh T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Lào Cai, vắng mặt.

** Người bị hại có kháng cáo:*

1. Chị Vũ Thị Kim D, sinh năm 1961; địa chỉ: Số nhà 187, Hàng T, phường Quang T, thành phố Nam Đ, tỉnh Nam Định; có mặt.

2. Ông Tống Văn L2, sinh năm 1962; địa chỉ: Tiểu khu Xuân H, thị trấn Nông C, huyện Nông C, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 1988; địa chỉ: Phố Thông N, thị trấn Vụ B, huyện Lạc S, tỉnh Hòa Bình; có mặt.

4. Bà Nguyễn Thị N2, sinh năm 1972; địa chỉ: Số nhà 73 đường Tô H, tiểu Khu 4, thị trấn Mộc C, huyện Mộc C, tỉnh Sơn La (đã chết ngày 07/4/2022. Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà N2: Chị Trần Thị Quỳnh H3, sinh ngày 24/11/1992, địa chỉ: Số nhà 73 đường Tô H, tiểu Khu 4, thị trấn Mộc C, huyện Mộc C, tỉnh Sơn La; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

5. Bà Nguyễn Thị Đức H4, sinh năm 1960; địa chỉ: Số 255 Tiểu L, Hà N, Thăng B, Quảng Nam. Người đại diện của bà H4: Ông Trần Ngọc S1 (là chồng bà H4), có cùng địa chỉ với bà H4; có mặt.

6. Chị Phí Thị Lan H5, sinh năm 1974, địa chỉ: Số nhà 35, đường Lê L, phường Vĩnh T, thành phố Lạng S, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:

- Chị Bùi Thị H6, sinh năm 1994; địa chỉ: Tổ 8, phường Trung T, thị xã Nghĩa L, tỉnh Yên Bái, có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan liên quan đến kháng cáo: Chị Hà Thị Q, sinh năm 1995, địa chỉ: Thôn Nang P, xã Phúc S, huyện Văn C, tỉnh Yên Bái, vắng mặt.

Ngoài ra, trong bản án còn có các bị hại: Ông Nguyễn Huy T4, ông Lê Hoài N3, ông Đỗ Xuân D1, ông Nguyễn Văn T5, ông Tạ Văn P1, bà Trần Doãn Thị Hương G, ông Lê Đình B, bà Trần Thị T6, ông Trịnh Hải V, ông Lê Văn H7, ông Lê Văn G1, bà Dương Thị T7, ông Võ Văn P2, bà Nguyễn Thị N4, bà Nguyễn Thị L3, ông Đặng Văn P3, bà Nguyễn Thị H8; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Lò Văn T8, bà Tạ Kim A không có kháng cáo, không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2010, sau khi chấp hành xong án phạt tù 36 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”, Nguyễn Văn N tiếp tục thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản ở các huyện Gia B, Quế V, tỉnh Bắc Ninh; các huyện Nam S, Cẩm G, tỉnh Hải Dương và đã bị cơ quan điều tra Công an các huyện trên ra Quyết định truy nã về tội “Trộm cắp tài sản”. Để tránh sự phát hiện của cơ quan điều tra, N trốn sang tỉnh Quảng Đ, Trung Quốc từ năm 2012 đến năm 2014 rồi quay về Việt Nam. N làm giả chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Mạnh H, sinh ngày 11/6/1987 trú tại tổ 80B, Kim L, Đống Đ, Hà Nội (làm giả CMTND qua mạng). Sau đó, N lên bản Nang P (Noong P), xã Phúc S, huyện Văn C, tỉnh Yên Bái rồi sinh sống với chị Hà Thị Q, sinh năm 1995. Do hay chơi cờ bạc, nợ nần nhiều nên N nghĩ cách đột nhập vào các tiệm vàng ở các tỉnh, thành phố để trộm cắp tiền, vàng, bạc bán trả nợ, tiêu xài.

Quá trình điều tra, xác định với thủ đoạn chuẩn bị công cụ phương tiện phạm tội như ba lô, tô vít, cưa sắt, kìm, mỏ lết, xà cày, đèn khò ga... và chuẩn bị áo chống nắng, mũ, khẩu trang... để ngụy trang tránh bị phát hiện trước khi đột nhập các cửa hàng vàng bạc, sau đó N thuê xe ôm hoặc taxi đi quan sát và lựa chọn những cửa hàng vàng bạc có sơ hở rồi chọn thời gian thuận lợi để trộm cắp. Với thủ đoạn trên, từ tháng 02 năm 2014 đến ngày 06/12/2018, Nguyễn Văn N đã thực hiện 23 vụ trộm cắp tài sản (tiền, vàng, bạc) trên địa bàn 12 tỉnh, thành phố trong cả nước gồm: Hòa Bình 01 vụ; Nam Định 02 vụ; Nghệ An 02 vụ; Hà Tĩnh 01 vụ; Sơn La 02 vụ; Lạng Sơn 01 vụ; Thanh Hóa 04 vụ; Hà Nội 04 vụ; Thái Bình 02 vụ; Quảng Nam 02 vụ; Thái Nguyên 01 vụ; Lai Châu 01 vụ. Các bị can Lại Quang P, Tạ Thị S mặc dù biết vàng, bạc do Nguyễn Văn N mang đến bán là tài sản do phạm tội mà có nhưng vì hám lời nên các bị can đã nhiều lần tiêu thụ vàng, bạc do bị cáo Nguyễn Văn N trộm cắp mà có. Hành vi phạm tội của các bị can cụ thể như sau:

1. Đối với hành vi trộm cắp tài sản của Nguyễn Văn N:

Vụ thứ nhất: Khoảng 01 giờ ngày 08/02/2014, Nguyễn Văn N đón xe từ thị xã Nghĩa L, tỉnh Yên Bái đi về Hà Nội, sau đó ra chợ Kim K - Phố H mua một ba lô, một mỗ lét, 02 tuốc nơ vít, một khẩu trang, một găng tay, một bộ quần áo thể thao rồi đón xe khách đi vào thành phố Thanh Hóa để tìm hiệu vàng có sơ hở để trộm cắp tài sản. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, N thuê xe ôm đi xung quanh thành phố Thanh Hóa, khi đi đến cửa hàng vàng bạc của gia đình anh Lê Hoài N3, sinh năm 1976 địa chỉ số 180 - Lê H thuộc phường Lam S, thành phố Thanh H, tỉnh Thanh Hóa, N quan sát thấy hiệu vàng trên có thể đột nhập trộm cắp được nên N đi xe ôm ra đường lớn để đón xe khách đi Hà Nội, (mục đích của N là để không bị người khác phát hiện). Khoảng 20 giờ cùng ngày, N thuê 01 xe taxi (N không nhớ BKS) đi từ Hà Nội vào thành phố Thanh H. Khoảng 00 giờ ngày 09/02/2014, N đến thành phố Thanh H, N xuống xe cách hiệu vàng 180 Lê H khoảng 100m, đi bộ vào một ngõ nhỏ phía sau tiệm vàng khoảng 50m, N bấm vào cửa sắt của một nhà phía sau hiệu vàng để trèo lên tầng 2 của hiệu vàng 180 Lê H. Khi trèo lên phía trên cửa sổ tầng 2 hiệu vàng, N thấy cửa sổ của tầng 2 đang mở, nên N lấy chiếc mỗ lét ở trong ba lô ra bẻ gãy chấn song của cửa sổ rồi cầm ba lô chui vào trong hiệu vàng. N đi theo cầu thang xuống tầng 1, xuống tới chân cầu thang tầng 1, N thấy 01 chùm chìa khóa để ở bàn chế tác vàng nên đã lấy chùm chìa khóa đó mở cửa xếp đi vào phòng trưng bày vàng. Quan sát thấy tầng 1 có camera, N lấy một chiếc áo của chủ nhà để ở chân cầu thang che camera rồi lấy chùm chìa khóa đó mở hai cánh tủ trưng bày vàng. N quay ra chân cầu thang lấy một túi đựng vợt cầu lông của chủ nhà sau đó quay lại lấy toàn bộ vàng gồm: 110 cái nhẫn vàng tây 10k có gắn mặt đá, tổng trọng lượng 89,05 chỉ; 06 cái nhẫn vàng tây 18k có gắn mặt đá, tổng trọng lượng 5,32 chỉ; 02 cái nhẫn vàng tây 14k có gắn mặt đá, tổng trọng lượng 2.0 chỉ; 32 Lắc đeo tay vàng tây 10k, tổng trọng lượng 93,25 chỉ; 01 lắc đeo tay vàng tây 18k, trọng lượng 2,0 chỉ; 29 dây chuyền vàng tây 10k, trọng lượng 81,20 chỉ; 06 dây chuyền vàng tây 18k, trọng lượng 15,60 chỉ; 45 đôi hoa tai vàng tây 10k gắn đá, tổng trọng lượng 43,95 chỉ; 10 đôi hoa tai vàng tây, 18k gắn đá, tổng trọng lượng 12,0 chỉ; Vàng tây dát mỏng 10k gắn đá, tổng trọng lượng 10,0 chỉ; 02 dây chuyền vàng tây 10k gắn đá, tổng trọng lượng 10,0 chỉ; 01 lắc vàng tây 18k của Đức, tổng trọng lượng 8,7 chỉ; 01 đôi hoa tai vàng 9999, trọng lượng 1,0 chỉ. Toàn bộ số vàng tây và vàng ta gồm: Dây chuyền, lắc, nhẫn, hoa tai, trên mỗi dây chuyền, lắc, nhẫn, hoa tai có dập ký hiệu của người chế tác: “TD 10K”; “QD 10k”; “KL 10K”; “KD 10K”; “NT 10K”, được N cho vào túi đựng vợt cầu lông. Sau khi lấy được vàng, N xách túi vàng đó rồi lấy chìa khóa mở cửa chính để ra khỏi hiệu vàng. N đón xe khách về thị xã Nghĩa L, tỉnh Yên Bái. Theo lời khai của Nguyễn Văn N toàn bộ số vàng trộm cắp trên N đã bán cho chủ của hàng vàng bạc Hoàng A ở thị xã Nghĩa L, tỉnh Yên Bái lấy tiền tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 20/6/2019, Hội đồng định giá tài sản thành phố Thanh H có bản Kết luận số 129/KL-HĐĐGTS kết luận giá trị tài sản Nguyễn Văn N đã trộm cắp tại hiệu vàng 180 Lê H: Tổng tài sản có trị giá là 658.018.000 đồng (*Sáu trăm năm mươi tám triệu, không trăm mười tám nghìn đồng*).

Vụ thứ 2: Sau khi chuẩn bị công cụ để trộm cắp vàng bạc, đêm ngày 21/3/2014, N đi xe khách từ Hà Nội đến Nam Định, sau đó đi xe ôm đi đến thị trấn Quất L, huyện Giao T, tỉnh Nam Định để trộm cắp. Đến khoảng 00 giờ ngày 22/3/2014, N đột nhập vào hiệu vàng Ngọc A của gia đình anh Đỗ Xuân D, sinh năm 1967, trú tại phố Lâm K, thị trấn Quất L, huyện Giao T, tỉnh Nam Định. N đã lấy toàn bộ số tiền 20.000.000 đồng trong một ví da và toàn bộ số vàng để trên khay trong tủ gồm: 20 chiếc nhẫn loại nhẫn 1 chỉ vàng ta loại nhỏ; 09 chiếc nhẫn, loại nhẫn 0.5 chỉ vàng ta loại nhỏ hàng trao đổi; 01 chiếc nhẫn loại 1.5 chỉ vàng ta loại nhỏ hàng trao đổi; 02 chiếc nhẫn, loại nhẫn 2 chỉ vàng ta loại nhỏ; 01 chiếc nhẫn 3 chỉ vàng ta loại mặt vuông; 01 dây kẹp to 5 chỉ; 01 dây kẹp nhỏ có hình trái tim 0.5 chỉ; 01 đôi nẹp vàng ta loại 1 chỉ; 01 lắc xi vàng ta loại 1 chỉ; Các loại dây khác, bông tai vàng tây các loại khác tổng 50 chỉ; Các loại dây, lắc bằng bạc có số lượng 12 kg. N cho toàn bộ số vàng, bạc trên vào chiếc ba lô mang theo, rồi xách ba lô đi lên tầng 2 mở chốt cửa chính đi ra ban công rồi trèo xuống đất theo đường cũ. Khoảng 05 giờ ngày 22/3/2014, N đi ra khỏi hiệu vàng, đi bộ theo dọc đường quốc lộ rồi đi xe taxi đi lên khu vực siêu thị Big C, thành phố Nam Định đón xe khách đi ra bến xe Mỹ Đình, tiếp tục đi xe khách về thị xã Nghĩa L, tỉnh Yên Bái. Theo lời khai của Nguyễn Văn N, khi về tới thị xã Nghĩa L, tỉnh Yên Bái, N mang số vàng trên đến bán cho Tạ Thị S, sinh năm 1969 ở tổ 8, phường Trung T, thị xã Nghĩa L, tỉnh Yên Bái là chủ hiệu vàng Tùng H. Sau khi lấy được tiền, N đã tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 23/4/2014, Hội đồng định giá tài sản huyện huyện Giao T, tỉnh Nam Định đã kết luận tài sản Nguyễn Văn N đã trộm cắp tại hiệu vàng Ngọc A có tổng trị giá là 404.920.000 đồng (*Bốn trăm linh bốn triệu, chín trăm hai mươi nghìn đồng*).

Vụ thứ 3: Khoảng 01h30' ngày 11/6/2014, Nguyễn Văn N đến đột nhập vào cửa hàng vàng bạc Khánh H, của gia đình chị Nguyễn Thị H8, sinh năm 1968, địa chỉ số 81 - Hưng Đ, thị trấn Tây Đ, huyện Ba V, thành phố Hà Nội để trộm cắp tài sản. Khi vào trong hiệu vàng, N dùng đèn khò có sẵn trong cửa hàng và tuốc nơ vít để phá ổ khóa của 01 chiếc tủ đựng vàng, bạc rồi lấy trộm nhiều loại trang sức bằng bạc gồm dây chuyền, hoa tai, nhẫn, vòng, bỏ vào ba lô. Sau khi lấy xong, N đi lên tầng 4 rồi đi xuống đường theo lối đột nhập vào. N đi bộ đến ngã tư thị trấn Tây Đ vớt công cụ mang theo tại chân cột đèn tín hiệu giao thông. Theo lời khai của Nguyễn Văn N số tài sản trên N đã bán cho một người đàn ông Trung Quốc được khoảng 8000 Nhân dân tệ, đổi sang tiền Việt Nam được khoảng 25 triệu đồng, tại khu vực chợ Quảng Đ, Trung Quốc. N đã chi tiêu cá nhân hết số tiền trên.

Kết luận định giá tài sản số 53/2019/KL-ĐGTS, ngày 16/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Ba V kết luận tài sản Nguyễn Văn N đã trộm cắp tại hiệu vàng Khánh H có tổng trị giá là 42.000.000 đồng (*Bốn mươi hai triệu đồng*).

Vụ thứ 4: Vẫn thủ đoạn chuẩn bị như trước, khoảng 03 giờ ngày 07/8/2014, N đi bộ đến cửa hàng vàng Anh Q, của gia đình anh Đặng Văn P3, sinh năm 1966, địa chỉ Vân T, Vân N, Đông A, thành phố Hà Nội. Sau đó, N đeo khẩu trang, găng tay rồi trèo lên tầng 4, dùng xà cày cạy phá cửa gỗ, lấy một quần lót tại khu vực phơi quần áo của cửa hàng đội lên đầu. Khi đi xuống tầng 1, N thấy 02 camera ở góc nhà và 02 tủ đựng vàng, nên lấy 02 khăn vải có sẵn trong phòng để che 02 camera an ninh rồi dùng tuốc nơ vít cạy phá tủ kính đựng vàng lấy trộm toàn bộ số trang sức vàng bỏ vào balo rồi tẩu thoát theo hướng đã đột nhập vào. Sau đó, N đã trèo theo lối đột nhập vào để tẩu thoát. Theo lời khai của N, toàn bộ số vàng trộm cắp được ở trên, N đã bán cho một người đàn ông Trung Quốc được khoảng 13 vạn Nhân dân tệ, đổi sang tiền Việt Nam được khoảng 400 triệu đồng và số tiền này N đã chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 19/8/2014, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đông A có bản kết luận định giá tài sản số 403/HĐĐGTS, kết luận tài sản Nguyễn Văn N đã trộm cắp tại hiệu vàng Anh Q có tổng trị giá là 620.500.000 đồng (*Sáu trăm hai mươi triệu, năm trăm ngàn đồng*).

Vụ thứ 5: Khoảng 00 giờ ngày 29/8/2014, Nguyễn Văn N đi đến trước cửa nhà sá hiệu vàng Thủy P, của gia đình anh Tạ Văn P1, sinh năm 1970, tại khối 3, thị trấn Phù Y, huyện Phù Y, tỉnh Sơn La. Thấy trước cửa ngôi nhà đó có một chiếc cột bằng kim loại có thể trèo lên được, N bỏ dép ra rồi trèo lên chiếc cột kim loại để trèo lên tầng hai, lên đến tầng 2 rồi đột nhập vào trong nhà, N đi theo cầu thang xuống tầng 1, lấy ba chiếc áo của chủ nhà để ở chân cầu thang để che ba mắt camera. Sau đó N đến bàn chế tác vàng tại tầng 1, lấy một chiếc kéo màu đen, hai chiếc kim, một chiếc tuốc nơ vít và lấy một con dao ở trong bếp rồi đi ra quầy trưng bày vàng, dùng tuốc nơ vít, dao cạy cửa tủ trưng bày vàng, N lấy toàn bộ số vàng gồm: Vàng tây 10k: Hoa tai nữ (50 đôi); Lắc tay (14 cái); Kiềng (10 cái); dây chuyền (70 cái); Mặt dây (35 cái); Nhẫn đá (16 cái); Nhẫn cưới (50 đôi) = 563,5 chỉ có các ký hiệu “TDK”, “TDB”, “TBD”, “KL”, “TD”, “TDN”. Bạc gồm dây chuyền (107 cái); Lắc tay nam (45 cái); Lắc tay nữ (50 cái), cho vào ba lô. Sau khi lấy trộm được toàn bộ số vàng trên, N xách ba lô vàng đi lên cầu thang theo lối cũ xuống đường rồi đi bộ ra ngã ba gần đó và đón xe khách đi lên thành phố Sơn L, tiếp tục đón xe khách về Hà Nội. Theo lời khai của N, toàn bộ số vàng trộm cắp được ở trên, N đã bán cho một người đàn ông Trung Quốc được khoảng 15 vạn Nhân dân tệ, đổi sang tiền Việt Nam được khoảng 500 triệu đồng và số tiền này N đã chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 14/01/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Phù Y, tỉnh Sơn La có bản Kết luận định giá tài sản số 04/KLĐGTS kết luận: tài

sản Nguyễn Văn N đã trộm cắp tại hiệu vàng Thủy P có tổng trị giá là 899.521.300 đồng (*Tám trăm chín mươi chín triệu, năm trăm hai mươi một nghìn, ba trăm đồng*).

Vụ thứ 6: Khoảng 01 giờ ngày 06/12/2014, N đến gần khu vực cửa hàng vàng Kim B của gia đình chị Trần Doãn Thị Hương G sinh năm 1980, trú tại 243B Tổng Duy T, phường Lam S, thành phố Thanh H, tỉnh Thanh Hóa. N đi vào trong một ngõ nhỏ gần hiệu vàng rồi trèo lên cột điện để lên mái tôn, N trèo vào nhà bán nội thất bên cạnh lấy 01 chiếc kéo bằng kim loại bỏ vào ba lô. Đến khoảng 01 giờ 30 cùng ngày, N bám vào biển quảng cáo để leo lên tầng 5 hiệu vàng bằng đường giếng trời, khi trèo lên nóc giếng trời ở tầng 5, N dùng mỏ lết mang theo bẻ gãy một thanh sắt ở giếng trời, bẻ xong N chui xuống để trộm cắp tài sản. Tại tầng một N thấy có hai tủ đựng vàng (một đựng vàng tây, một đựng vàng ta) N quan sát thấy cửa tủ đựng vàng cấm chìa khóa nên N dùng tay mở cửa tủ rồi lấy vàng bỏ vào ba lô mang theo, số vàng đã chế tác thành dây, lắc, kiềng, nhẫn gồm: 1.100 chỉ vàng ta 9999 có ký hiệu “G.KIMBAO 9999”; 1.500 chỉ vàng tây 10k có ký hiệu “JD10k” “QP10k”; 400 chỉ vàng tây 18k, bỏ vào ba lô rồi đi theo đường cũ ra ngoài tẩu thoát.

Theo lời khai của N, toàn bộ số vàng trộm cắp được ở trên, N đã bán cho một người đàn ông Trung Quốc tại khu chợ vàng gần bến xe Kiệt R, tỉnh Quảng Đ, Trung Quốc được tính ra tiền Việt Nam khoảng 1.800.000.000 đồng và số tiền này N đã chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 18/10/2019, Hội đồng định giá tài sản thành phố Thanh H, tỉnh Thanh Hóa có bản Kết luận định giá tài sản số 297/KL-HĐĐGTS kết luận: tài sản Nguyễn Văn N đã trộm cắp tại hiệu vàng Kim B có tổng trị giá là 7.310.000.000đ (*Bảy tỷ, ba trăm mười triệu đồng*).

Vụ thứ 7: Khoảng 00 giờ ngày 13/4/2015, Nguyễn Văn N đi xe taxi đến cửa hàng vàng bạc Mão T của gia đình anh Nguyễn Văn T5, sinh năm 1944, trú tại tổ 7, thị trấn Đông H, huyện Đông H, tỉnh Thái Bình để trộm cắp. ăm xuống xe taxi đi bộ vào một ngõ nhỏ cách cửa hàng vàng bạc hai nhà, N trèo qua cổng sắt để vào phía trong rồi leo lên nóc nhà của nhà 3 tầng, tiếp tục đi sang hành lang phía trước của tầng 4 hiệu vàng Mão T, sau đó lấy đèn khò của N mang theo, khò vào chìa khóa cánh cửa chính, rồi lấy tuốc nơ vít cạy mở cánh cửa vào trong nhà. N đã lấy trộm toàn bộ số vàng gồm: 20 vòng đeo cổ bằng vàng ta 24k, tổng trọng lượng 10 cây vàng 24K; 41 vòng đeo tay bằng vàng ta 24k, tổng trọng lượng 14,7 cây vàng 24k; 15 sợi dây chuyền bằng vàng ta 24k có tổng trọng lượng 6,3 cây vàng loại 24k; 10 vòng đeo tay bằng đá quý. Đặc điểm vàng, trên tài sản vàng ta có in 9999 và các chữ “Mão T – Kim H” hoặc “Mão T”, vòng tay bằng đá quý: Có ba màu Vàng – Đen – Xanh rồi cho vào ba lô. Sau đó, N tiếp tục lục soát và lấy trộm được số tiền mặt khoảng 150.000.000 đồng. Sau khi lấy xong N đi lên tầng 4 rồi tẩu thoát theo lối cũ.

Theo lời khai của ăm, toàn bộ số vàng trộm cắp được ở trên, N đã bán cho một người đàn ông Trung Quốc tại tỉnh Quảng Đ, Trung Quốc được 30 vạn Nhân dân tệ, đổi sang tiền Việt Nam được khoảng 1.000.000.000 đồng. Số tiền trên, N đã tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 16/4/2015, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đông H, tỉnh Thái Bình có bản Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 92/KL-HĐĐGTS kết luận, tài sản Nguyễn Văn N đã trộm cắp tại hiệu vàng Mão hiệt có tổng trị giá là: 1.097.450.000 đồng (*Một tỷ không trăm chín mươi bảy ngàn, bốn trăm năm mươi đồng*).

Vụ thứ 8: Cũng như các vụ trộm cắp trước, sau khi chuẩn bị và quan sát, khoảng 23 giờ ngày 05/7/2015, Nguyễn Văn N đã đột nhập vào cửa hàng vàng bạc Kim D - Sài Gòn của gia đình anh Đào Văn T9, sinh năm 1961, trú tại số 187 Hàng T, phường Quang T, thành phố Nam Đ, tỉnh Nam Định để trộm cắp tài sản. Khi vào được trong nhà xuống tới tầng 1, N đã lấy toàn bộ số vàng trong các tủ trưng bày và số vàng trong két (có cấm sắn chìa khóa). Sau khi lấy được số vàng gồm: 358 chỉ vàng ta 9999; 423 chỉ 03 phân 92 zem vàng Sài Gòn 650; 1342 chỉ 02 phân 42 zem vàng ITALIA 750; số tiền 150.000.000 đồng và 01 chiếc đồng hồ màu trắng, N cho vào ba lô rồi tẩu thoát theo lối đã đột nhập vào. Theo lời khai của Nguyễn Văn N, đến khoảng 17 giờ ngày 06/7/2015 N đem toàn bộ số vàng trộm cắp được đến bán cho Tạ Thị S được khoảng 1.200.000.000 đồng (một tỷ hai trăm triệu đồng). N đã tiêu xài cá nhân hết số tiền trên.

Ngày 26/3/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Nam Định có kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự, kết luận tài sản Nguyễn Văn N đã trộm cắp tại hiệu vàng Kim D – Sài Gòn có tổng trị giá là: 5.569.053.874 đồng (*Năm tỷ, năm trăm sáu mươi chín triệu, không trăm năm mươi ba ngàn, tám trăm bảy mươi tư đồng*).

Vụ thứ 9: Khoảng 01 giờ ngày 21/12/2015, Nguyễn Văn N chuẩn bị công cụ phạm tội rồi đột nhập từ tầng 3 vào tiệm vàng bạc Bích H của gia đình anh Lê Đình B, sinh năm 1985 trú tại khối Kim T, phường Hòa H, thị xã Thái H, tỉnh Nghệ An. Khi vào tầng 1, N tắt hết hệ thống camera rồi dùng tuốc nơ vít cạy 3 cánh cửa tủ trưng bày vàng, rồi lấy 01 túi đựng vọt cầu lông của chủ nhà cho toàn bộ số vàng tại 03 ngăn tủ đã cạy vào chiếc túi đựng vọt cầu lông, bao gồm: 535 dây vàng dạng mắt xích gồm các loại vàng ý, vàng tây, vàng trắng (trong đó có khoảng 100 dây vàng ý); 100 lắc tay vàng dạng mắt xích gồm các loại vàng tây và vàng Ý (trong đó có một số lắc tay có đính đá trang trí màu trắng); 50 kiềng đeo cổ bằng vàng Ý và vàng tây (trong đó có một số kiềng có đúc các hoạt tiết bằng hoa văn); 20 mặt dây chuyền vàng Ý có đính trang trí màu trắng; 12 kiềng cổ bằng vàng 9999 (trong đó có một số kiềng có đúc các hoạt tiết bằng hoa văn). Đặc điểm vàng các loại vàng có các ký hiệu: Italy 750; TD610; Tdanh

610; Hthuần 610; KKG 610; KDB10K; BH18K; SL650; KD10K. Sau khi lấy được toàn bộ số vàng trên, âm lên tầng 2 rồi theo lối cũ thoát xuống đường tàu thoát.

Theo lời khai của Nguyễn Văn N, đến khoảng 17 giờ cùng ngày N mang toàn bộ số vàng trên đến bán cho Tạ Thị S và Lại Quang P được 1.200.000.000 đồng. Sau khi lấy được tiền, N tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 19/6/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng tỉnh Nghệ An kết luận: tài sản Nguyễn Văn N đã trộm cắp tại hiệu vàng Bích H có tổng trị giá là 3.480.600.000 đồng (*Ba tỷ, bốn trăm tám mươi triệu, sáu trăm ngàn đồng*).

Vụ thứ 10: Khoảng 00 giờ ngày 05/5/2016, N mang theo công cụ đến cửa hàng vàng bạc Tiêu L của gia đình ông Chu Văn L4, sinh năm 1956 trú tại tiểu khu Thái A, thị trấn Đ, huyện Phú L, tỉnh Thái Nguyên để trộm cắp tài sản. N đột nhập qua cửa sổ tầng 3 của cửa hàng vàng bạc, rồi đi theo cầu thang xuống tầng 1. N lấy một chiếc tước nơ vít ở bàn chế tác vàng, dùng tước nơ vít cạy cửa kính của ngăn tủ đựng vàng rồi lấy toàn bộ số vàng gồm: 43,23 cây vàng tây 10k, dây chuyền, khuyên tai, mặt dây chuyền, lắc. Đặc điểm vàng: Trên mỗi sản phẩm có ký hiệu là “KL” hoặc “KD” hoặc “KN” mua tại các tiệm vàng Kim N, Kim L tại Hà Nội rồi cho vào ba lô. Sau khi lấy được số vàng trên, N cầm ba lô đi lên tầng 3 theo lối cũ tàu thoát (khi đang leo xuống thì N đánh rơi một chiếc xà cày mang theo xuống dưới mái tôn).

Theo lời khai của Nguyễn Văn N, khoảng 12 giờ cùng ngày, N mang toàn bộ số vàng lấy trộm được đến bán cho bị can Tạ Thị S, được số tiền 300.000.000 đồng. N đã tiêu xài cá nhân hết số tiền trên.

Ngày 02/5/2019, Hội đồng định giá tài sản tỉnh Thái Nguyên kết luận tài sản Nguyễn Văn N đã trộm cắp tại cửa hàng vàng bạc Tiêu L có tổng trị giá là 842.985.000đ (*Tám trăm bốn mươi hai triệu, chín trăm tám mươi lăm nghìn đồng*).

Vụ thứ 11: Khoảng 00 giờ ngày 07/8/2016, Nguyễn Văn N mang ba lô đựng công cụ phạm tội đột nhập vào hiệu vàng bạc Long T của gia đình bà Trần Thị T10, sinh năm 1967, trú tại số nhà 739, đường Lam S, thị trấn Nông C, huyện Nông C, tỉnh Thanh Hóa để trộm cắp. N đột nhập từ tầng 3, sau đó đi xuống tầng 1 nơi trưng bày vàng. N đã lấy toàn bộ số vàng gồm: 791,914 chỉ vàng loại 10k; 79,888 chỉ vàng tây loại 14k; 21,792 chỉ vàng tây loại 18k, đặc điểm số vàng trên: Vàng 10K có ký hiệu “KN”; Vàng 14K có ký hiệu “KGN”; Vàng 18K có ký hiệu “KGN” cho vào ba lô chuẩn bị từ trước rồi tàu thoát theo lối đã đột nhập vào.

Theo lời khai của Nguyễn Văn N, khoảng 14 giờ cùng ngày, N mang toàn bộ số vàng trên đến bán cho Lại Quang P được số tiền khoảng 1.000.000.000 đồng. Sau khi lấy được tiền, N tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 29/8/2016, Hội đồng định giá tài sản huyện Nông C, tỉnh Thanh Hóa có bản Kết luận định giá tài sản số 92/HĐĐGTS kết luận tài sản Nguyễn Văn N

trộm cắp tại hiệu vàng Long T có tổng trị giá là 1.649.494.300 đồng (*Một tỷ, sáu trăm bốn mươi chín triệu, bốn trăm chín mươi bốn ngàn ba trăm đồng*).

Vụ thứ 12: Rạng sáng ngày 16/4/2017, Nguyễn Văn N chuẩn bị công cụ phạm tội đến cửa hàng vàng bạc Hương L của gia đình chị Nguyễn Thị L3, sinh năm 1964, trú tại số 7, khu 7, thị trấn Trạm T, huyện Hoài Đ, thành phố Hà Nội để trộm cắp tài sản. N trèo lên tầng 5 đột nhập qua ô thoáng cửa tầng 5 đi xuống tầng 1, dùng tuốc nơ vít cạy ổ khóa cửa kính loại 2 cánh giữa gian khách và gian kinh doanh vàng. Khi đến khu vực tủ kính đựng trang sức, do tủ không khóa nên N đã lấy trộm toàn bộ số trang sức vàng, bạc cùng số tiền hơn 1.000.000 đồng bỏ vào ba lô rồi tẩu thoát theo hướng đã đột nhập vào.

Theo lời khai của Nguyễn Văn N, toàn bộ số vàng bạc trộm cắp được ở trên trên cho một người đàn ông Trung Quốc, ở Quảng Đ, Trung Quốc được số khoảng hơn 1 vạn Nhân dân tệ, đổi sang tiền Việt Nam được khoảng 40.000.000 đồng và N đã chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 11/6/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Hoài Đ, thành phố Hà Nội đã có kết luận định giá tài sản số 39/KL-HĐĐGTS kết luận: Tài sản Nguyễn Văn N đã trộm cắp tại cửa hàng vàng bạc Hương Lan có tổng trị giá là 293.858.000 đồng (*Hai trăm chín ba triệu, tám trăm năm tám ngàn đồng*).

Vụ thứ 13: Khoảng 00 giờ ngày 22/4/2017, Nguyễn Văn N mặc áo chống nắng, đội mũ trùm đầu, đeo khẩu trang, đi tắt chân, đi găng tay rồi khoác ba lô đột nhập vào cửa hàng vàng bạc Long T của gia đình chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 1988, trú tại phố Thống N, thị trấn Vụ B, huyện Lạc S, tỉnh Hòa Bình để trộm cắp tài sản. N đột nhập vào từ cửa sổ tầng 3 sau đó xuống tầng 1. N dùng tuốc nơ vít đờ cạy ba cửa ngăn tủ trưng bày vàng, lấy toàn bộ số vàng, bạc trong các ngăn tủ đó gồm: 120 dây chuyền vàng tây 10k cả Nam và nữ có trọng lượng 24 cây, 230 mặt dây đá, mặt dây đúc bằng vàng tây 10k trọng lượng 10k; 30 đôi vòng tai bằng vàng tây 10k có trọng lượng 2,5 cây; 20 đôi tua dài bằng vàng tây 10k có trọng lượng 1,2 cây; 100 đôi bím bằng vàng tây 10k có trọng lượng 5 cây; 01 dây bi bằng vàng ITALIA 10k có trọng lượng 4,4 chỉ; 01 mặt dây vàng KORIA 10k trọng lượng 12,7 chỉ; 01 dây bi bằng vàng 6.5k trọng lượng 3 chỉ; 01 kiềng mềm bằng vàng tây 10k có trọng lượng 8,5 chỉ, các loại dây chuyền bằng bạc có trọng lượng từ 1 chỉ đến 7 cây, các loại lắc tay bằng bạc có trọng lượng từ 5 chỉ đến 3 cây; 07 bộ xà tích đeo hông bằng bạc có trọng lượng từ 1,5 cây đến 5 cây, đặc điểm vàng: trên các sản phẩm vàng có ký hiệu “HL 10K”, “TH 10”, trên các sản phẩm bạc có ký hiệu “TS”. Sau khi lấy trộm được số tài sản trên, N cho vào ba lô rồi đi cầu thang lên tầng 3 và theo lối cũ tẩu thoát.

Theo lời khai của Nguyễn Văn N, đến khoảng 13 giờ cùng ngày, N mang toàn bộ số vàng, bạc lấy trộm được đến bán cho Lại Quang P được 270.000.000 đồng. Sau khi lấy được tiền, N tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 24/5/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lạc

S, tỉnh Hòa Bình kết luận tài sản Nguyễn Văn N đã trộm cắp tại cửa hàng vàng bạc Long T có tổng trị giá là 1.000.436.000đ (*một tỷ, bốn trăm ba mươi sáu nghìn đồng*).

Vụ thứ 14: Khoảng 00 giờ, ngày 07/6/2017, Nguyễn Văn N đến giáp cửa hàng vàng, bạc Việt C của gia đình anh Trịnh Hải V, sinh năm 1978, trú tại khu Thị A, thị trấn Hưng N, huyện Hưng H, tỉnh Thái Bình để trộm cắp tài sản. N đột nhập từ ban công tầng 4 rồi vào trong cửa hàng đi theo cầu thang xuống tầng 1. N đi vào trong phòng ở tầng 1 thấy có hai dãy tủ trưng bày vàng, một dãy để vàng Tây, cửa tủ bị khóa, một dãy để vàng ta, cửa tủ không khóa, N dùng tuốc nơ vít cạy các cửa tủ đựng vàng và mở các tủ vàng không khóa lấy toàn bộ số vàng gồm: 300 sợi dây chuyền bằng vàng tây tổng số 641 chỉ vàng; 200 đôi nhẫn vàng tây các loại, tổng số 201,24 chỉ vàng; 160 đôi hoa tai và toong teng các loại, tổng số 80 chỉ vàng; 07 kiềng mềm vàng tây đeo cổ, tổng 21 chỉ; 15 lắc cứng vàng tây đeo tay, tổng số 45 chỉ vàng; 01 sợi dây chuyền vàng Ý loại 10 chỉ vàng; 01 lắc tay vàng Ý loại 10 chỉ vàng; 10 chỉ vàng ta gồm các loại. Trên tài sản vàng tây có ký hiệu “TL”, trên các tài sản vàng Ý có ký hiệu “Italy”. Sau khi lấy trộm được số vàng trên, N cho hết vào ba lô rồi đi lên tầng 4 theo lối cũ trèo xuống đường tẩu thoát.

Theo lời khai của Nguyễn Văn N, đến khoảng 14 giờ cùng ngày, ăm mang toàn bộ số vàng trên đến bán cho Lại Quang P với số tiền khoảng 1.000.000.000 đồng. Số tiền bán vàng bạc N tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 13/6/2017, Hội đồng định giá tài sản huyện Hưng à, tỉnh Thái Bình có bản Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 35/KLĐG kết luận tài sản Nguyễn Văn N trộm cắp tại cửa hàng vàng bạc Việt C có tổng trị giá: 1.593.360.000 đồng (*Một tỷ, năm trăm chín mươi ba triệu, ba trăm sáu mươi ngàn đồng*).

Vụ thứ 15: Khoảng 01 giờ ngày 26/8/2017, Nguyễn Văn N mang theo công cụ phạm tội đến cửa hàng vàng bạc Trang gọc của gia đình anh Lê Văn H7, sinh năm 1969, trú tại khối 7, phường Nam H, thành phố Hà T, tỉnh Hà Tĩnh để trộm cắp tài sản. ăm đột nhập từ cửa sổ tầng 3 của hiệu vàng Trang N vào trong và đi theo cầu thang xuống tầng 1 nơi có các tủ trưng bày vàng. N dùng một chiếc kéo bằng kim loại ở trên tủ vàng cùng với tuốc nơ vít để cạy cửa tủ đựng vàng và lấy toàn bộ số vàng gồm: 196 chỉ vàng ý; 1040,5 chỉ vàng tây; 15 cái dây da bọc vàng tây. Trên các tài sản bị mất có các ký hiệu như: TN; SL (vàng PNJ); Italia (Vàng ý màu trắng); HT (vàng Sài Gòn); Korea (Vàng Hàn Quốc) rồi cho vào chiếc túi (vỏ gối) cho vào trong ba lô rồi đi theo lối cũ xuống đường tẩu thoát.

Theo Lời khai của Nguyễn Văn N, đến khoảng 18 giờ ngày 26/8/2017, ăm mang toàn bộ số vàng trên đến bán vàng cho Tạ Thị S và Lại Quang P được số tiền khoảng 800.000.000 đồng. Số tiền bán vàng, N tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 12/4/2019, Hội đồng định giá tài sản thành phố Hà Tĩnh có bản Kết luận định giá tài sản số 26/KLĐG kết luận tài sản Nguyễn Văn N đã trộm cắp tại cửa hàng vàng bạc Trang N có tổng trị giá là: 2.961.525.000 đồng (*Hai tỷ, chín trăm sáu mươi một triệu, năm trăm hai lăm ngàn đồng*).

Vụ thứ 16: Khoảng 00 giờ ngày 09/8/2017, N cầm theo ba lô đựng sẵn công cụ phạm tội đến cửa hàng vàng bạc Kim K của gia đình chị Nguyễn Thị Kim T1 sinh năm 1970, trú tại khu 3, thị trấn Quán L, huyện Yên ịnh, tỉnh Thanh Hóa để trộm cắp tài sản. N tìm cách đột nhập từ tầng 3 của hiệu vàng vào trong đi theo cầu thang xuống tầng 1. N đi đến bàn chế tác vàng ở phía trong lấy hai chiếc tuốc nơ vít rồi đi đến tủ trưng bày vàng, dùng tuốc nơ vít lấy ở bàn chế tác cạy cửa kính của tủ trưng bày vàng, khi đang cạy thì kính bị vỡ, mảnh kính rơi xuống nền nhà gây ra tiếng động, N dùng tay lấy số vàng trong tủ trưng bày cho vào túi quần, bao gồm: 03 cây vàng loại lắc tay hình tròn; 03 cây vàng loại dây vòng tay; 03 cây vàng loại dây chuyền; 01 cây vàng loại hoa tai (trên tất cả các sản phẩm đều có khắc ký hiệu nhà sản xuất là “KD” hoặc “KL”; trên vòng tay có khắc thêm chữ “T”; trên dây chuyền có khắc thêm chữ “TK”). Khi đang lấy trộm vàng trong tủ trưng bày, N phát hiện hai vợ chồng chủ nhà đang đứng ở đầu cầu thang trên tầng 2 và hô “trộm, trộm”, thấy vậy N cầm theo tuốc nơ vít chạy theo cầu thang, lách qua hai vợ chồng chủ nhà, chạy lên tầng 3 rồi đi theo lối cũ đi xuống đường, xuống tới đường chạy thoát.

Theo Nguyễn Văn N khai nhận đến khoảng 15 giờ cùng ngày, N mang toàn bộ số vàng lấy trộm được ở trên đến bán cho Lại Quang P được 180.000.000 đồng. N đã tiêu xài cá nhân hết số tiền trên.

Ngày 17/7/2019, Hội đồng định giá tài sản huyện Yên Đ, tỉnh Thanh Hóa đã kết luận tài sản Nguyễn Văn N đã trộm cắp tại cửa hàng vàng bạc Kim K có tổng trị giá là: 365.000.000đ (*Ba trăm sáu mươi lăm triệu đồng*).

Vụ thứ 17: Rạng sáng ngày 31/12/2017, Nguyễn Văn N đến cửa hàng vàng bạc Tuấn N của gia đình anh Bùi Văn T12, sinh năm 1968, trú tại số 73, tổ 4, khu Xuân H, thị trấn Xuân M, huyện Chương M, TP Hà Nội để trộm cắp tài sản. N trèo lên tầng 4, dùng xà cày cạy phá mép cửa rồi đi cầu thang bộ xuống tầng 1 của cửa hàng. N dùng tuốc nơ vít cạy phá tủ kính đựng vàng bên tay phải hướng ra cửa chính và lấy trộm toàn bộ số trang sức gồm có kiềng, nhẫn, lắc chân, mặt dây chuyền vàng bỏ vào balo rồi tẩu thoát theo hướng đã đột nhập vào.

Theo lời khai Nguyễn Văn N, sau khi trộm cắp được số tài sản trên, N đi xe khách về thị xã Nghĩa L, tỉnh Yên Bái và bán 04 dây chuyền vàng trộm cắp được cho Lại Quang P được khoảng 70.000.000 đồng. Số trang sức còn lại N bán cho một người đàn ông Trung Quốc ở Quảng Đ, Trung Quốc được khoảng 4 vạn Nhân dân tệ và đổi thành tiền Việt Nam được khoảng 130.000.000 đồng, số tiền trên N đã ăn tiêu hết.

Ngày 01/9/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Chương

M, thành phố Hà Nội kết luận tài sản Nguyễn Văn N đã trộm cắp tại cửa hàng vàng bạc Tuấn N có tổng trị giá là: 552.102.000 đồng (*Năm trăm năm mươi hai triệu, một trăm linh hai nghìn đồng*).

Vụ thứ 18: Cũng như các vụ trộm cắp trước, sau khi đã chuẩn bị công cụ và quan sát cửa hàng vàng bạc Ngọc K của gia đình chị Dương Thị T7, sinh năm 1975, ở khối 3, thị trấn Tân K, huyện Tân K, tỉnh Nghệ An. Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 28/3/2018, N đến cửa hàng vàng bạc Ngọc K ở thị trấn Tân K, huyện Tân K, tỉnh Nghệ An để tiếp tục quan sát và tìm cách đột nhập vào hiệu vàng. N dùng tuốc nơ vít cạy cửa chính của tầng 4 đột nhập vào rồi đi cầu thang xuống tầng 1. N dùng chiếc tuốc nơ vít cạy cửa bằng kính của 03 ngăn tủ đựng vàng, bạc rồi lấy toàn bộ số vàng bạc ở ba ngăn tủ đó gồm: 770 (Bảy trăm bảy mươi) sợi dây chuyền bằng bạc các loại có tổng trọng lượng là 4962,868 chỉ, trên mỗi sợi dây chuyền đều có tem đánh kèm ghi nội dung “DNTN VB Ngọc K” đồng thời có các dòng chữ “NKH” hoặc “XB” được khắc trên mỗi sợi dây chuyền, 48 (Bốn mươi tám) đôi bông tai bằng vàng (loại 10k) có tổng trọng lượng là 31,416 chỉ, trên mỗi đôi bông tai đều có tem đánh kèm ghi nội dung “DNTN VB Ngọc Khanh” đồng thời có các dòng chữ “KNHN” hoặc “KNCH” hoặc “KND” được khắc trên mỗi đôi bông tai, 44 (Bốn mươi bốn) đôi bông tai bằng vàng (loại vàng 18k) có tổng trọng lượng là 37,465 chỉ, trên mỗi đôi bông tai đều có tem đánh kèm ghi nội dung “DNTN VB Ngọc K” đồng thời có các dòng chữ “PNJ 650” hoặc “TD 610” hoặc “K*L*610” hoặc “PPJ 610” được khắc trên mỗi đôi bông tai. N cho toàn bộ số vàng, bạc đó vào ba lô, rồi đi ra khỏi hiệu vàng theo hướng đã đột nhập.

Theo Nguyễn Văn N khai đến khoảng 16 giờ cùng ngày, N mang toàn bộ số vàng, bạc trên đến bán cho Lại Quang P được 300.000.000 đồng. Sau khi lấy được tiền, N tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 01/6/2018, Hội đồng định giá tài sản huyện Tân K, tỉnh Nghệ An có bản kết luận định giá tài sản số 10/UBND-HĐĐG kết luận tài sản Nguyễn Văn N trộm cắp tại cửa hàng vàng bạc Ngọc K có tổng trị giá là: 660.680.328 đồng (*Sáu trăm sáu mươi triệu, sáu trăm tám mươi nghìn, ba trăm hai mươi tám đồng*).

Vụ thứ 19: Vẫn thủ đoạn như đã nêu trên, khoảng 23 giờ ngày 31/5/2018, Nguyễn Văn N đến hiệu vàng Hưng N của gia đình bà Nguyễn Thị N2, sinh năm 1972 ở Tiểu Khu 4, thị trấn Mộc C, huyện Mộc C, tỉnh Sơn La để trộm cắp tài sản. N đột nhập từ cửa sổ tầng 3 vào trong rồi đi theo cầu thang xuống tầng 1. N đi đến khu vực tủ trưng bày vàng, mở cửa tủ lấy toàn bộ số vàng gồm: vàng ta 99.9 của Bảo Tín Minh Châu tổng cộng 61 chỉ; Trang sức mỹ nghệ vàng ta 99.99 của Bảo Tín Minh Châu tổng cộng 19 chỉ; Nhẫn vàng ròng Thăng Long 99.99 của Bảo Tín Minh Châu tổng cộng 29.5 chỉ; Nữ trang vàng Doji loại 16k tổng cộng 50.062 chỉ; 07 đôi nhẫn cưới vàng Dojo loại 18k; Nữ trang vàng ý Hàn Quốc 18k tổng cộng 41.986 chỉ; trang sức vàng tây phổ thông 10k của Bảo Tín Minh

Châu tổng cộng 15.249 chỉ; Nữ trang vàng PNJ 10K tổng cộng 21.946 chỉ; 06 nhẫn chữ Hưng loại 1 chỉ vàng 9999 Doji; 04 nhẫn chữ Thịnh loại 2 chỉ vàng 9999 Doji; vàng PNJ 650 15k tổng cộng 2.977 chỉ; Nữ trang hàng cao cấp 18k; tổng cộng 2.777 chỉ; Nữ trang vàng ta 9999 Doji tổng cộng 174.101 chỉ; Vàng 10k tổng cộng 12.765 chỉ; Vàng 10k ý Hàn Quốc tổng cộng 49.39 chỉ; Vàng 14K tổng cộng 6.808 chỉ; Vàng ta 99.9 có kỹ hiệu Kim Tân tổng 4.5 chỉ; Vàng 14k (hoa tai 1 chiếc) cộng 0.474 chỉ; Nữ trang 750 mẫu mã ý Hàn Quốc 18k, tổng cộng 78.077 chỉ; Vàng 24k 99.9 của Bảo Tín Minh Châu tổng cộng 18.746 chỉ; Vàng tây 0.416 PNJ tổng cộng 7.592 chỉ; Vàng tây 0.650 PNJ tổng cộng 30.318 chỉ; 01 bông tai vàng trắng PNJ 10k; Vuốt hổ bọc vàng 14K = 2.93 chỉ; Sau khi lấy trộm được số vàng trên, N cho toàn bộ số vàng đó vào ba lô rồi đi lên tầng 3 theo lối cũ xuống dưới đường tàu thoát.

Theo lời khai của Nguyễn Văn N, đến khoảng 15 giờ cùng ngày, N mang toàn bộ số tài sản trộm cắp được đến bán cho Lại Quang P được 800.000.000đ. Sau khi lấy được tiền, N tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 30/11/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng tỉnh Sơn La có bản kết luận định giá tài sản số 24/KL-HĐĐGTS kết luận tài sản Nguyễn Văn N đã trộm cắp tại cửa hàng vàng bạc Hưng N có tổng trị giá là: 2.035.669.847đ (*Hai tỉ, không trăm ba mươi lăm triệu, sáu trăm sáu mươi chín nghìn, tám trăm bốn mươi bảy đồng*).

Vụ thứ 20: Sau khi chuẩn bị dụng cụ cạy phá và đồ dùng nguy trang, khoảng 22 giờ ngày 18/7/2018, Nguyễn Văn N đến hiệu vàng Kim Q của gia đình chị Hồ Thị Bích H9, sinh năm 1975, trú tại 62 Phan Đình P, phường Phước H, thành phố Tam K, tỉnh Quảng Nam để trộm cắp tài sản. N đột nhập từ cửa chính tầng 3 của hiệu vàng vào trong rồi đi cầu thang xuống tầng 1. N dùng tuốc nơ vít, dao để cạy cửa các ngăn tủ đựng vàng rồi lấy hết toàn bộ số vàng gồm: Nữ trang bằng vàng 24k với tổng số lượng: 08 lượng; Dây chuyền vàng tây với tổng số lượng 15 lượng; Dây chuyền vàng đính mặt với số lượng: 10 lượng; Vàng trắng bạch kim không rõ số lượng trị giá 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng); 60 (Sáu mươi) bộ nữ trang bằng vàng với số lượng 35 lượng; Vòng đeo tay bằng vàng với số lượng 30 lượng; 01 (một) bịch vàng đã niêm phong, không rõ số lượng, trị giá 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng), rồi tiếp tục lục tìm ở trong các ngăn tủ và lấy được số tiền 200.000.000đ. Sau khi lấy trộm được tiền, vàng, N cầm ba lô đựng vàng đi theo cầu thang lên tầng 3 đi theo lối đã đột nhập vào để tàu thoát.

Theo lời khai Nguyễn Văn N, đến khoảng 02 giờ ngày 20/7/2018, N mang toàn bộ số vàng đó đến bán cho Lại Quang P được 1.600.000.000 đồng. Sau khi lấy được tiền, N tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 09/8/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Quảng Nam có bản kết luận định giá tài sản số 2060/CV-HĐ kết luận tài sản Nguyễn Văn N đã

trộm cắp tại hiệu vàng Kim Q có tổng trị giá là: 3.242.785.000đ (*Ba tỷ, hai trăm bốn mươi hai triệu, bảy trăm tám mươi lăm nghìn đồng*).

Vụ thứ 21: Sau khi chuẩn bị công cụ phạm tội, Nguyễn Văn N đi xe khách từ Hà Nội vào Đà Nẵng. Khoảng 23 giờ 50 phút ngày 26/9/2018, đến cửa hàng vàng bạc “H” của gia đình ông Trần Ngọc S1, sinh năm 1958, trú tại số 255 Tiểu L, thị trấn Hà L, huyện Thăng B, tỉnh Quảng Nam để trộm cắp tài sản. N đột nhập từ cửa chính của tầng 4 hiệu vàng rồi đi theo cầu thang xuống tầng 1, khi đi đến tầng 2, N nhìn thấy trong bếp thấy Trần Ngọc Minh C, sinh năm 1997 (con của chủ cửa hàng) đang ăn đêm còn Trà Thị T13, sinh năm 1955 ở xã Bình Định B, huyện Thăng B, tỉnh Quảng Nam (là người làm thuê) đang ngủ ở phòng khách, nên N lên tầng 4 ngồi chờ. Khoảng hơn 01 giờ ngày 27/9/2018, thấy Minh C đi ngủ. Đợi một lúc N đi xuống tầng 1, khi đi qua chỗ bà T13 đang ngủ thấy hai chùm chìa khóa để ở gần bà T13. N lấy hai chùm chìa khóa đó đi xuống tầng 1, khi đi đến chân cầu thang thấy có cửa chính làm bằng kính cường lực bị khóa, N lấy chùm chìa khóa đó mở khóa cửa rồi đi vào phòng khách ở tầng 1 thì thấy có các tủ trưng bày vàng đã bị khóa, N dùng chìa khóa mở hai tủ trưng bày bán vàng ra rồi lấy toàn bộ số vàng gồm: 300 (ba trăm) chỉ vàng 18k; 200 (hai trăm) chỉ vàng 24k, và một số bạc không rõ số lượng, trị giá khoảng 50.000.000 đồng. Sau khi lấy được số vàng, bạc trên, N cho vào túi quần, túi áo và lấy một túi vải ở quầy bán vàng cho vào túi vải đồng thời cầm hai khay vàng đi lên tầng 4, khi lên tới tầng 4, N cho toàn bộ số vàng bạc đã trộm cắp được vào ba lô rồi đi theo lối cũ xuống đường tàu thoát.

Theo lời khai của Nguyễn Văn N, đến khoảng 02 giờ ngày 28/9/2018, N mang toàn bộ số vàng đó đến bán cho Lại Quang P được 350.000.000 đồng. Sau khi lấy được tiền, N tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 09/8/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Quảng Nam có bản Kết luận định giá tài sản số 2061/CV-HĐ kết luận tài sản Nguyễn Văn N đã trộm cắp tại hiệu vàng “H” có tổng trị giá là: 1.422.190.000đ (*Một tỉ, bốn trăm hai mươi hai triệu, một trăm chín mươi nghìn đồng*).

Vụ thứ 22: Khoảng 02 giờ ngày 08/10/2018, Nguyễn Văn N chuẩn bị công cụ phạm tội đến hiệu vàng Mai Cg của gia đình chị Phí Thị Lan H5, sinh năm 1974, trú tại số nhà 35, đường Lê L, phường Vĩnh T, thành phố Lạng S, tỉnh Lạng Sơn để trộm cắp tài sản. N đột nhập từ cửa chính ở tầng 3 rồi đi xuống tầng 1 hiệu vàng. N dùng chiếc kéo bằng kim loại của chủ nhà (để gần đó) cạy các ngăn tủ đựng vàng, rồi lấy toàn bộ số vàng trong ngăn tủ gồm: Kiềng vàng 23K (35 chỉ); Nhẫn vàng 10k (350 cái); mặt dây chuyền 10k (68 chỉ); khuyên tai 10k (250 đôi); vòng si trắng (5 bộ = 52 chỉ); Lắc tay màu vàng, trắng, lắc bi 18k (600 chiếc); vòng tay màu vàng 18k (60 chiếc); kiềng tết, kiềng đúc, kiềng bi, kiềng hoa; 6 dây chuyền 18k; 1 khay trang sức 137 chỉ. Loại kiềng tròn và kiềng hoa khắc dấu TTS chữ Thái + số chỉ hoặc TTS Thúc, TTS Hoàn Phương (Tất cả

vàng 10k đều khắc dấu trong lòng nhẫn và ngoài nhẫn: VN 10K, VAJ 10K, TD). N lấy tám vải để trên tủ kính, cho số vàng, bạc vào trong rồi túm lại sách số vàng, bạc đó đi theo cầu thang lên ban công tầng 3 cho toàn bộ số vàng, bạc đó vào ba lô rồi đi ra khỏi hiệu vàng theo đường cũ để xuống đường tàu thoát.

Theo Nguyễn Văn N khai nhận, đến khoảng 14 giờ cùng ngày, N mang toàn bộ số vàng trên đến bán cho Lại Quang P được 1.600.000.000 đồng N đã tiêu xài cá nhân hết số tiền trên.

Ngày 17/01/2019, Hội đồng định giá tài sản tỉnh Lạng Sơn có bản kết luận định giá tài sản số 112/KL-HĐĐGTS kết luận tài sản Nguyễn Văn N đã trộm cắp tại hiệu vàng Mai C (theo lời khai của N) có tổng trị giá là: 2.134.500.000 đồng (*Hai tỷ, một trăm ba tư triệu, năm trăm nghìn đồng*).

Vụ thứ 23: Khoảng 24 giờ ngày 03/12/2018, N đến thành phố Lai C thuê nhà nghỉ tại thành phố Lai C. Ngày 04/12/2018, N đi chơi ở huyện Tam Đ, sau đó quay về thành phố Lai C thuê xe ôm đi quanh thành phố Lai C để quan sát các cửa hàng vàng bạc có sơ hở và có điều kiện đột nhập trộm cắp tài sản. Khi ra tới cửa hàng vàng bạc Tuấn T ở khu vực chợ Trung T thuộc tổ 6, phường Đoàn K, thành phố Lai C, tỉnh Lai Châu, N phát hiện cửa hàng vàng bạc Tuấn T của gia đình ông Nguyễn Huy T4 có khả năng dễ đột nhập nhất, nên quay về thuê phòng nghỉ tại nhà nghỉ Lan H đường 30/4, phường Đông P, thành phố Lai C. Khoảng 23 giờ cùng ngày, N đem theo dụng cụ trộm cắp thuê xe taxi đi đến gần cửa hàng vàng bạc Tuấn T mục đích đột nhập lấy trộm vàng. Khi ra tới nơi, thấy quán ngô nướng và quán Internet ở cạnh cửa hàng vàng bạc có đông người ở đó, nên N không thực hiện được. Khoảng 04 giờ ngày 05/12/2018, N vào nhà nghỉ Phương T ở phường Đông P, thành phố Lai C thuê phòng nghỉ. Đến khoảng 23 giờ 45 phút cùng ngày, N trả phòng nghỉ rồi thuê xe taxi BKS 25A - 027.14 do anh Sìn Trung T14, sinh năm 1993 có HKTT tại tổ 16 phường Tân P, thành phố Lai C điều khiển, đi ra khu vực cửa hàng vàng bạc Tuấn T. Đi qua hiệu vàng khoảng 10m, N xuống xe đi bộ vào đầu ngõ 132 gần cửa hàng vàng bạc, quan sát thấy không có người qua lại, N tháo giày bỏ vào ba lô, lấy áo chống nắng trong balo ra mặc rồi trèo lên cột điện, đi qua mái tôn nhà số 132 là nhà kho của gia đình anh T4 rồi trèo theo hàng rào bảo vệ bằng kim loại từ tầng 2 lên tầng 4, dùng tay bẻ ô lan can bằng inox rồi đột nhập vào ban công tầng 4 cửa hàng vàng bạc Tuấn T. N lấy tuốc nơ vít ở trong ba lô để cạy cửa chính của tầng 4 nhưng không cạy được, nên N trèo lên hàng rào bảo vệ bằng kim loại dùng tuốc nơ vít cạy ô thoáng bằng gỗ phía trên cửa sổ, sau đó đi vào trong phòng thờ ở tầng 4. N lấy chìa khóa để ở cửa sổ mở cửa chính của phòng thờ, sau đó lấy ba lô đi xuống tầng 1, nơi có các tủ đựng vàng, N dùng tuốc nơ vít để cạy cửa tủ kính của tủ vàng và lấy toàn bộ số vàng gồm: 220 cây vàng trong đó: 20 cây (Hai mươi cây) vàng Ý 18k, được chế tác thành dây chuyền, lắc tay, vòng tay và nhẫn cụ thể: 13 cây là dây chuyền (30 dây loại 1 chỉ, 100 dây loại 0,5 chỉ và 25 dây loại 2 chỉ); 4

cây là nhẫn nữ (40 chiếc loại 0,5 chỉ và 20 chiếc loại 1 chỉ); 3 cây lắc tay (10 chiếc loại 1 chỉ, 10 chiếc loại 2 chỉ); 200 cây (Hai trăm cây) vàng tây 10k, được chế tác thành hoa tai, mặt dây chuyền, vòng cổ, dây chuyền, lắc tay và nhẫn cụ thể gồm: 80 cây là hoa tai (300 đôi loại 1 chỉ, 1000 đôi loại 0,5 chỉ); 40 cây dây chuyền (100 dây loại 1 chỉ, 100 dây loại 2 chỉ và 200 dây loại 0,5 chỉ); 20 cây nhẫn nam (50 chiếc loại 2 chỉ và 100 chiếc loại 1 chỉ); 40 cây là nhẫn nữ (200 chiếc loại 1 chỉ, 200 chiếc loại 0,5 chỉ và 50 chiếc loại 2 chỉ); 20 cây là lắc tay (100 chiếc loại 1 chỉ và 50 chiếc loại 2 chỉ). N để lại 02 chiếc tuốc nơ vít trên mặt kính tủ đựng vàng, rồi cho tất cả vàng vào chiếc khăn chải bàn túm lại mang lên tầng 4 cho hết vào ba lô. Sau đó, N đi theo cửa chính ra ban công và theo đường cũ đi ra ngoài tàu thoát.

Theo lời khai của Nguyễn Văn N đến khoảng 13 giờ ngày 07/12/2018, N mang số vàng đã lấy trộm được bán cho Lại Quang P được 1.560.000.000 đồng.

Ngày 20/12/2019 Hội đồng định giá tài sản tỉnh Lai Châu có bản Kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐG, kết luận tài sản Nguyễn Văn N đã trộm cắp tại hiệu vàng Tuấn T có tổng trị giá là: 2.262.600.000 đồng (*Hai tỷ, hai trăm sáu mươi hai triệu, sáu trăm nghìn đồng chẵn*).

Sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại hiệu vàng Tuấn T bị phát hiện, bắt giữ. Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình tại Lai Châu cũng như tự khai nhận ra 22 lần phạm tội trước đó như đã nêu ở trên. Lời khai nhận của Nguyễn Văn N phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ.

Quá trình điều tra, khám nghiệm hiện trường các vụ trộm cắp tài sản xảy ra tại các cửa hàng vàng, bạc: “Kim D - Sài G”, “Tiêu L”, “Long T”, “Trang N”, “Ngọc K”, “Hưng nguyệt”, “H”, “Mai C”, “Tuấn T”. Cơ quan điều tra Công an các tỉnh Nam Định, Thái Nguyên, Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Nghệ An, Sơn La, Quảng Nam, Lạng Sơn, Lai Châu đã thu được các mẫu dấu vết đường vân, dấu vết sinh hóa (AND) để lại tại hiện trường và gửi trưng cầu giám định. Kết quả giám định của các cơ quan có thẩm quyền đều kết luận về dấu vết đường vân, AND thu được tại hiện trường là của Nguyễn Văn N để lại tại các hiện trường vụ án.

2. Về hành vi phạm tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có:

Quá trình điều tra đã xác định, mặc dù biết rõ tài sản gồm vàng, bạc do Nguyễn Văn N phạm tội mà có (khi N đến bán đều nói vàng bạc lấy của bố mang bán) nhưng vì hám lời nên các bị can Lại Quang P (chủ hiệu vàng Kim P) và Tạ Thị i (chủ hiệu vàng Tùng H) đã nhiều lần tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Tại cơ quan điều tra, Lại Quang P và Tạ Thị S đã khai nhận những lần phạm tội của mình cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 13 giờ ngày 22/3/2014, sau khi trộm cắp được vàng, bạc tại hiệu vàng Ngọc A của gia đình anh Đỗ Xuân D1 ở tổ dân phố Lâm K, thị

trần Quát L, huyện Giao hủ, tỉnh Nam Định, Nguyễn Văn N mang đến cửa hàng vàng bạc Kim P gặp Lại Quang P hỏi P có mua vàng không, P hỏi vàng, bạc ở đâu, N nói vàng lấy trộm của bố mang bán, P kiểm tra số vàng, bạc xong rồi nhất trí mua, nhưng không đủ tiền nên P gọi điện thoại cho Tạ Thị S là chủ hiệu vàng Tùng H, rủ S mua vàng cùng, S đồng ý rồi đi sang nhà P. S và P thống nhất mua vàng của N với giá 1.150.000 đồng/ một chỉ vàng tây đã thành phẩm; 45.000 đồng/ một chỉ bạc thành phẩm. Sau khi kiểm tra chất lượng, số lượng vàng, bạc xong, P dùng cân điện tử của hiệu vàng để cùng N cân số vàng, bạc trên, sau khi cân xong số lượng cân mọi người không nhớ do thời gian đã lâu, chỉ nhớ số tiền P, S phải trả cho N là 140.000.000đồng, P lấy 70.000.000 đồng trả cho N, còn S cầm một nửa số vàng, bạc mua của N đem về hiệu vàng Tùng H rồi lấy số tiền 70.000.000đ đồng mang sang nhà P trả cho N. S bỏ số vàng trên ra quầy trưng bày vàng để bán lại cho người dân, do không ghi chép số lượng vàng nhập vào và bán ra, nên S không xác định được số tiền S được hưởng chênh lệch đối với số vàng, bạc trên. Còn P sau khi mua được số vàng, bạc trên, P gửi xe khách xuống 56 Hàng B, Hà Nội bán được 75.000.000 đồng.

Vụ thứ 2: Khoảng 17 giờ ngày 06/7/2015, sau khi lấy trộm được vàng, bạc của hiệu vàng Kim D - Sài G của gia đình anh Đào Văn T9 trú tại số 187 Hàng T, phường Quang T, thành phố Nam Đ, tỉnh Nam Định, N mang toàn bộ số vàng, bạc đó đến bán cho Tạ Thị S. Khi N đến có Bùi Thị H6 là con gái của S đang ở đó. N hỏi S có mua vàng không? S biết là vàng bạc N lấy của bố nhưng vẫn đồng ý và bảo N lên phòng ngủ tầng hai của hiệu vàng để mua bán, còn H6 ở tầng một để trông cửa hàng. Lên đến phòng ngủ, hai bên thống nhất giá mua bán giá vàng tây là 1.150.000 đồng/ một chỉ đã thành phẩm, 45.000 đồng/một chỉ bạc đã thành phẩm. Thống nhất với nhau xong, S bảo H6 gọi Nguyễn Thanh T15, sinh năm 1991 ở tổ 7, phường Trung T, thị xã Nghĩa L, tỉnh Yên Bái là chồng của H6 về để kiểm tra chất lượng vàng thật hay giả. T15 lên phòng ngủ của S ở tầng hai để kiểm tra chất lượng vàng, kiểm tra xong, T15 bảo S đó là vàng, bạc thật, rồi T15 tiếp tục đi chơi. S cùng N dùng cân điện tử ở hiệu vàng Tùng H để cân số vàng, bạc đó lên rồi tính tiền. S, N đều không nhớ số vàng bạc đó là bao nhiêu, những loại cụ thể như thế nào, chỉ biết khi tính tiền thì được 1.200.000.000 đồng. Vì trong nhà không còn đủ tiền, nên S trả trước cho Nguyễn Văn N số tiền 600.000.000 đồng số tiền còn lại S hẹn hôm sau trả. N đồng ý rồi cầm 600.000.000 đồng đi về. Sau khi mua được số vàng, bạc trên của N, S đã lấy một phần ra trưng bày tại hiệu vàng để bán, số còn lại S gom cùng một số vàng cũ của cửa cửa hàng mang về Công ty vàng bạc Kim N 56 Hàng B, Hà Nội để bán. Khi bán S không nhớ số lượng bán bao nhiêu, do nhân viên công ty đứng ra mua bán nên không ghi chép sổ sách, chỉ biết số vàng đó bán được khoảng 600.000.000 đồng. Sau khi mang tiền bán vàng về tới thị xã Nghĩa L, tỉnh Yên Bái, S gọi N đến nhà trả nốt số tiền còn nợ là 600.000.000 đồng.

Vụ thứ 3: Khoảng 13 giờ một ngày đầu năm 2016, sau khi lấy trộm được

vàng, trên đường về, N gọi điện cho Tạ Thị S hỏi có mua vàng không. S nói có, N bảo S chuẩn bị số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), lúc nữa N mang đến bán, đến khoảng 17 giờ cùng ngày, N mang toàn bộ số vàng mới trộm cắp được đến hiệu vàng Tùng H. Đến nơi, N được S dẫn lên phòng ngủ ở tầng hai của hiệu vàng để mua bán. S và N thống nhất với nhau giá vàng tây với 1.150.000đ /một chỉ đã thành phẩm, 45.000đ (bốn mươi lăm nghìn đồng) một chỉ bạc thành phẩm, thống nhất với nhau xong, đưa toàn bộ số vàng trộm cắp được cho S kiểm tra số lượng, chất lượng vàng gồm dây chuyền, hoa tai, tất cả đều là vàng mới, chưa qua sử dụng. Kiểm tra xong, S, N dùng cân điện tử của hiệu vàng Tùng H để cân số vàng trên, S, N đều không nhớ số vàng bạc đó là bao nhiêu chỉ biết khi tính tiền thì được 180.000.000đ (một trăm tám mươi triệu đồng). Cân xong, S lấy tiền trả cho N thì N mang về chỉ tiêu cá nhân hết, còn S lấy toàn bộ số vàng mua bán được đem trưng bày để bán tại hiệu vàng. Do không ghi chép số lượng vàng nhập vào và bán ra nên S không xác định được số tiền được hưởng chênh lệch đối với số vàng, bạc trên.

Vụ thứ 4: Khoảng 14 giờ ngày 22/4/2017, sau khi lấy trộm được vàng, bạc tại cửa hàng vàng bạc Long T của gia đình chị Nguyễn Thị H2 ở thị trấn Vụ B, huyện Lạc S, tỉnh Hòa Bình, Nguyễn Văn N đã mang toàn bộ số vàng, bạc đó đến gặp Lại Quang P là chủ hiệu vàng Kim P hỏi P có mua vàng nữa không. Khi trao đổi mua bán P biết số vàng bạc trên do N lấy trộm nhưng vẫn đồng ý mua rồi gọi điện thoại cho Tạ Thị S bảo sang mua vàng của N. S đồng ý rồi đi sang nhà P. Khi sang đến nơi, do tin tưởng P nên S để P kiểm tra vàng và thống nhất giá mua vàng của N. Khi kiểm chất lượng, số lượng vàng, bạc thì S, P thống nhất mua với giá 1.150.000 đồng/ một chỉ vàng tây đã thành phẩm; 45.000 đồng/ một chỉ bạc thành phẩm. Thống nhất với nhau xong, N, P, S dùng cân điện tử ở hiệu vàng Kim P để cân số vàng, bạc trên, sau khi cân xong, P, S, N không nhớ trọng lượng, từng loại trang sức mà chỉ nhớ số tiền P, S phải trả cho N là 120.000.000 đồng, Sau khi mua xong, P, S chia nhau mỗi người một nửa số vàng, bạc đó đồng thời P đưa cho N số tiền 60.000.000 đồng, còn S cầm số vàng, bạc đem về hiệu vàng Tùng H rồi lấy số tiền 60.000.000 đồng mang sang cửa hàng Kim P trả cho N. Số vàng mua được S, P đem trưng bày để bán tại hiệu vàng, do không ghi chép số lượng vàng, bạc nhập vào và bán ra nên S, P không xác định được số tiền được hưởng chênh lệch đối với số vàng, bạc trên.

Vụ thứ 5: Ngày 31/12/2017, sau khi trộm cắp tại cửa hàng vàng bạc Tuấn N, ở khu Xuân H, thị trấn Xuân M, huyện Chương M, thành phố Hà Nội, như những lần trước N mang 02 sợi dây chuyền ký hiệu KD10K và Italia 750 đến bán cho P. P đồng ý mua vàng tây với giá 1.150.000 đồng một chỉ, vàng ý với giá 6,5 nhân với giá vàng 24k tại thời điểm đó trên một chỉ. P lấy cân điện tử tại hiệu vàng để cân số vàng nhưng do đã lâu cả hai không nhớ được số lượng là bao nhiêu chỉ nhớ số tiền P phải trả cho N là 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng). P đem số vàng

mua được gửi xe khách xuống bán tại 56 Hàng B, Hà Nội được 75.000.000đ (bảy mươi lăm triệu đồng chẵn).

Vụ thứ 6: Sau khi lấy trộm được vàng của hiệu vàng Ngọc K của gia đình chị Dương Thị T7 ở khối 3, thị trấn Tân K, huyện Tân K, tỉnh Nghệ An, ngày 29/03/2018, N mang toàn bộ số vàng, bạc trên đến bán cho Tạ Thị S là chủ hiệu vàng Tùng H. Khi đến hiệu vàng, N thấy Bùi Thị H6, sinh năm: 1993 ở tổ 8, phường Trung T, thị xã Nghĩa L, tỉnh Yên Bái là con gái của S đang ở đó. Thấy N mang vàng, bạc đến bán, như những lần trước, S gọi điện cho Lại Quang P bảo P sang nhà S để mua vàng của N. Khi P sang, P, S, N đi lên phòng ngủ của S ở tầng 2 để giao dịch mua bán. N lấy ba lô đổ số vàng, bạc ra giường, S nhìn thấy bạc nhiều quá bảo không mua bạc vì bạc tại hiệu vàng còn nhiều, nhưng N nắm nỉ nên S, P đồng ý cùng chung nhau mua toàn bộ số vàng, bạc mà N đem đến. S lấy cân điện tử của hiệu vàng mang lên để cân số vàng, bạc trên. Quá trình mua, S hỏi N lấy đâu ra vàng, bạc mà nhiều thế, N vẫn bảo lấy trộm của bố mang đi bán, sau khi cân số vàng, bạc xong, số lượng bao nhiêu hiện tại P, N, S không nhớ, chỉ nhớ số tiền P và S phải trả cho N là 110.000.000đồng, P không đem theo tiền nên S lấy 110.000.000 đồng trả cho N trước, sau đó P và S chia nhau số vàng, bạc trên, P lấy một nửa số vàng, bạc trên gửi xe khách xuống bán tại 56 Hàng B, Hà Nội được 65.000.000 đồng, còn S đem số vàng, bạc mua của N ra trưng bày tại hiệu vàng để bán, do không ghi chép số lượng vàng nhập vào và bán ra nên S không xác định được số tiền hưởng chênh lệch đối với số vàng, bạc trên.

Vụ thứ 7: Sau khi lấy trộm được vàng tại hiệu vàng bạc Tuấn T của gia đình ông Nguyễn Huy T4 tại tổ 6, phường Đoàn K, thành phố Lai C, tỉnh Lai Châu. N mang toàn bộ số vàng đã lấy trộm được đến hiệu vàng Kim P để bán cho Lại Quang P. Như những lần trước, biết là tài sản do trộm cắp, P đồng ý mua và bảo N mang vàng bạc vào trong nhà rồi P kéo cửa cuốn của hiệu vàng xuống, dẫn N vào khu vực gần nhà bếp để mua bán. P lấy cân đặt tại nền nhà, còn N lấy số vàng từ trong ba lô ra, P nhìn thấy toàn vàng tây đã thành phẩm còn mới gồm: Nhẫn, dây chuyền, lắc tay, hoa tai, P hỏi N vàng đâu mà nhiều thế này, N nói lấy của bố đem đi bán. P kiểm tra ký hiệu trên vàng thì thấy có ký hiệu “KN 10k” “KD 10k”, P thống nhất với N mua vàng tây với giá 1.150.000 đồng /một chỉ đã thành phẩm. N đồng ý, P, N dùng cân điện tử của hiệu vàng để cân số vàng trên, do thời gian đã lâu nên P, N không nhớ số lượng là bao nhiêu chỉ nhớ số tiền P phải trả cho N là 1.560.000.000 đồng. Sau khi tính tiền, do không có tiền mặt trong nhà nên hú bảo N cho nợ số tiền trên, khi nào bán xong thì P sẽ trả, N đồng ý. Sau khi mua vàng của N xong, P đem toàn bộ số vàng đó về 56 Hàng B, Hà Nội bán được 1.700.000.000đồng. Sau khi bán được số vàng trên, P mang 800.000.000 đồng trả nợ cho một người đàn ông không biết tên (số tiền trên là do P cá độ bóng đá với người đó đã bị thua và nợ lại), số tiền còn lại 900.000.000 đồng P đem trả cho ăm. Mấy ngày sau, N đòi tiền nên P đã lấy vàng ta ở cửa hàng vàng bạc của mình mang đi bán trả nốt cho N 660.000.000 đồng.

Vụ thứ 8: Đầu năm 2018 Nguyễn Văn N đến hiệu vàng Kim P để bán cho Lại Quang P 05 chiếc nhẫn nam là vàng tây và vàng ý có ký hiệu KD10K và Italia 750. P hỏi N lấy vàng ở đâu đem bán, N nói của khách cầm cố không lấy nên đem bán. P thống nhất với N mua vàng tây với giá 1.150.000 đồng /một chỉ; vàng ý với giá 6,5 nhân với giá vàng 24k tại thời điểm đó trên một chỉ. N đồng ý bán. P đem lên cân được 25.000.000 đồng trả cho N. Sau đó, P gửi số vàng này về 56 Hàng B, Hà Nội bán được 28.000.000 đồng.

Vụ thứ 9: Giữa năm 2018 Lại Quang P mua của Nguyễn Văn N 01 sợi dây chuyền ý hiệu Italia 750 giá 40.000.000 đồng. ăm dặn P để lại để N mua lại, nhưng sau đó P không thấy N lấy nên P đã gửi về 56 Hàng B, Hà Nội bán.

*** Quá trình điều tra đã thu giữ đồ vật, tài liệu của Nguyễn Văn N:**

- 01 (một) ba lô bằng vải màu đen, đã qua sử dụng;
- 01 (một) túi xách du lịch giả da màu vàng, nhãn hiệu Three - box, đã qua sử dụng;
- 01 (một) áo khoác giả da màu đen, nhãn hiệu BI LUXURY size/39, đã qua sử dụng;
- 01 (một) áo khoác nỉ dài tay màu đen, trên hai cánh tay áo có dòng chữ DOLCE&GABBANA, sau lưng áo có hình con vật, đã qua sử dụng;
- 01 (một) chiếc quần dài bằng nỉ màu đen, dọc hai ống quần có dòng chữ DOLCE&GABBANA, đã qua sử dụng;
- 01 (một) chiếc mũ len màu xám có hoa văn màu trắng, trên mũ có chữ GUCCI, đã qua sử dụng;
- 01 (một) khẩu trang y tế màu trắng, xám, nhãn hiệu Bạch Tuyết, đã qua sử dụng;
- 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu HONDA CRV màu sơn trắng, BKS 30F – 316.01, số máy: L15BG1117888, số khung: MRHRW1870JP081104, xe đã qua sử dụng. (đã được niêm phong theo quy định);
- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 500763 mang tên Nguyễn Trung T14 địa chỉ 42 Lô D KDA Hồ AD, Yên P, Tây H, Hà Nội, biển kiểm soát 30F – 316.01;
- 01 (một) giấy phép lái xe số 011071001227 mang tên Nguyễn Mạnh H sinh ngày 11/06/1987, nơi cư trú: tổ 80B, phường Kim L, Quận Đống Đ, thành phố Hà Nội do Sở giao thông vận tải thành phố Hà Nội cấp ngày 30/12/2014;
- 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định số KC 5867421 do trung tâm đăng kiểm xe cơ giới Thái Nguyên cấp ngày 29/6/2018;
- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu trắng, đen, điện thoại cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng máy bên trong, số IMEL: 353042093810534;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đỏ Model 1280, số IMEI: 35825304824953/G;

- 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số: 012565675 mang tên Nguyễn Mạnh H sinh ngày 11/6/1987 Nơi ĐKKH TT: 19 tổ 80B, Kim L, Đống Đ, Hà Nội do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 18/6/2014;

- 01 (một) giấy phép lái xe Số: AS232043, mang tên Nguyễn Mạnh H, do Sở Giao thông vận tải tỉnh Phú Thọ cấp ngày 06/07/2011.

*** Khám xét nơi ở của Lại Quang P thu giữ gồm:**

- 01 (một) chiếc điện thoại Iphone 6S màu trắng số IMEI: 355432078232457 (đã qua sử dụng), trên máy có gắn thẻ sim số 0986106862; 01(một) chiếc điện thoại Iphone 6s màu ghi số IMEI: 353337075791391 (đã qua sử dụng), trên máy có gắn thẻ sim số 0989920096. Đã được niêm phong bằng một phong bì thư do bưu điện phát hành, mặt trước phong bì ghi “02 chiếc điện thoại thu giữ của Lại Quang P”;

- Các giấy tờ, sổ sách, hóa đơn, con dấu liên quan đến hoạt động mua bán vàng bạc của Lại Quang P được niêm phong trong 01 hòm tôn(có biên bản niêm phong kèm theo);

- 01(một) đầu ghi camera nhãn hiệu Dahua, màu đen loại 16 mắt cam. Bên dưới có dán tem in dòng chữ SIN: 5A02A3EPBQ57865. Đã được niêm phong (có biên bản niêm phong kèm theo); 01(một) cục chuyển nguồn 220V sang 12V; 01(một) cây CPU màu đen phía trước có dán tem in dòng chữ, doanh nghiệp tư nhân Bình Nga;

- 01(một) chiếc xe máy nhãn hiệu Honda AIRBLADE màu sơn đỏ biển kiểm soát 29-K1.25603, số khung RLHJF1805AY303002, số máy JF27E-0346957 đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng bên trong.

- Số vật chứng và tài sản khác gồm: 76 (Bảy mươi sáu) chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, loại (nhẫn cưới) chưa xác định trọng lượng; 137 (một trăm ba mươi bảy) viên đá nhân tạo + tự nhiên có nhiều màu sắc, kích cỡ khác nhau; 04 (bốn) vật có hình dạng giống móng vuốt của động vật; 38 (ba mươi tám) chiếc vòng hoa tai bằng kim loại màu vàng có kích thước to, nhỏ khác nhau chưa xác định trọng lượng; 656 (sáu trăm năm mươi sáu) khuyên đeo tai bằng kim loại màu vàng, có kích thước to, nhỏ khác nhau, chưa xác định trọng lượng; 43 (bốn mươi ba) dây đeo cổ bằng kim loại màu vàng, kích thước to, nhỏ khác nhau, chưa xác định trọng lượng; 03 (ba) vòng đeo cổ bằng cao su màu đen và kim loại màu vàng trên dây, trong đó có 02 dây có hạt cườm chưa xác định trọng lượng; 11 (mười một) chiếc lắc bằng kim loại màu vàng, kích thước to, nhỏ khác nhau, chưa xác định trọng lượng; 107 (một trăm linh bảy) mặt dây chuyền bằng kim loại màu vàng có kích thước to, nhỏ khác nhau, chưa xác định trọng lượng; 11 (mười một) chiếc vòng lắc tay bằng kim loại màu vàng, kích thước to nhỏ khác nhau, chưa xác định trọng lượng; 224 (hai trăm hai mươi bốn) nhẫn đeo tay

bằng kim loại màu vàng có kích thước to nhỏ khác nhau, chưa xác định trọng lượng; 21 (hai mươi mốt) hạt cham bằng kim loại màu vàng có kích thước to, nhỏ khác nhau, chưa xác định trọng lượng; 564 (năm trăm sáu mươi tư) dây chuyền bằng kim loại màu bạc có kích thước to nhỏ khác nhau, chưa xác định trọng lượng; 79 (bảy mươi chín) lắc tay bằng kim loại màu bạc, có kích thước khác nhau, chưa xác định trọng lượng; 220 (hai trăm hai mươi) chiếc khuyên tai bằng kim loại màu bạc, có kích thước to nhỏ khác nhau, chưa xác định trọng lượng; 206 (hai trăm linh sáu) chiếc hoa tai bằng kim loại màu bạc, có kích thước khác nhau, chưa xác định trọng lượng; 103 (một trăm linh ba) chiếc lắc tay bằng kim loại màu bạc, có kích thước khác nhau, chưa xác định trọng lượng; 47 (bốn mươi bảy) chiếc lắc chân bằng kim loại màu bạc, có kích thước khác nhau, chưa xác định trọng lượng; 424 (bốn trăm hai mươi bốn) chiếc nhẫn bằng kim loại màu bạc có kích thước khác nhau, chưa xác định trọng lượng; 441 (bốn trăm bốn mươi mốt) chiếc vòng đeo tay bằng kim loại màu bạc, có kích thước khác nhau, chưa xác định trọng lượng; 44 (bốn mươi bốn) chiếc vòng cổ bằng kim loại màu bạc, có kích thước khác nhau, chưa xác định trọng lượng; 63 (sáu mươi ba) chiếc dây bằng kim loại màu bạc, có kích thước khác nhau, chưa xác định trọng lượng; 08 (tám) chùm stic bằng kim loại màu bạc, có kích thước khác nhau, chưa xác định trọng lượng; 89 (tám mươi chín) chiếc bọc móng bằng kim loại màu bạc, có kích thước khác nhau, chưa xác định trọng lượng (tổng số tài sản trên đã được niêm phong theo quy định).

*** Khám xét nơi ở của Tạ Thị S thu giữ gồm:**

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu I phone 7 Plus, màu vàng, số IMEI: 356695080524280 kèm theo 01 (một) sim nhà mạng Vinaphone là số thuê bao 0842088415; 01 (một) đầu thu camera nhãn hiệu QUESTES màu đen, loại ECO - 6108AHD và một dây nguồn cắm trực tiếp vào đầu thu;
- 01 (một) thẻ ngân hàng mang tên Tạ Thị S, Số 9704050717865153;
- Số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) tiền Việt Nam hiện đang lưu hành, chưa kiểm tra đặc tính thật giả của tiền;
- 01 (một) quyển sổ màu đen, bên trong sổ có chữ và những con số trên một sổ trang giấy, sổ đã qua sử dụng;
- 01 (một) sổ tiết kiệm có kỳ hạn mang tên Bùi Thị H6 có số (AC 00010941332) của ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam;
- 05 (năm) tờ hóa đơn có những chữ số, trên hóa đơn có chữ ký và họ tên của Tạ Thị S.
- Số vật chứng và tài sản khác gồm: 03 (ba) Vòng kim loại màu vàng không xác định trọng lượng; 04 (bốn) vòng kim loại màu trắng không xác định trọng lượng; 04 (bốn) vòng kim loại màu trắng không xác định trọng lượng; 49 (bốn mươi chín) hạt kim loại màu vàng, 03 (ba) đoạn dây kim loại màu vàng không xác định trọng lượng được cho vào 1 chiếc hộp màu đỏ; 10 (mười) chiếc

kiềng cổ kim loại màu vàng không xác định trọng lượng; 01 (một) sợi dây kim loại màu vàng có đính đá màu đen; 02 (hai) sợi dây kim loại màu trắng; 03 (ba) sợi dây kim loại màu vàng; 03 (ba) lắc tay kim loại màu vàng; 01 (một) chiếc nhẫn kim loại màu vàng đính đá; 01 (một) nhẫn kim loại màu vàng đính đá; 01 (một) nhẫn kim loại màu vàng đính đá màu đen; 01 (một) mặt dây chuyền kim loại màu vàng đính đá; 04 (bốn) lắc tay kim loại màu vàng; 02 (hai) mặt dây chuyền kim loại màu vàng; 02 (hai) hoa tai kim loại màu vàng; 01 (một) nhẫn kim loại màu vàng; 04 (bốn) lắc tay kim loại màu vàng; 12 (mười hai) sợi dây chuyền kim loại màu vàng; 16 (mười sáu) sợi dây chuyền kim loại màu vàng; 03 (ba) sợi dây chuyền kim loại màu vàng trắng; 08 (tám) sợi dây chuyền kim loại màu trắng; 25 (hai mươi lăm) sợi dây chuyền kim loại màu vàng trắng; 62 (sáu mươi hai) sợi dây chuyền kim loại màu vàng; 79 (bảy mươi chín) sợi dây chuyền kim loại màu vàng; 27 (hai mươi bảy) sợi dây chuyền kim loại màu trắng; 17 (mười bảy) lắc chân kim loại màu vàng; 33 (ba mươi ba) sợi dây chuyền kim loại màu vàng; 06 (sáu) sợi dây chuyền kim loại màu vàng trắng; 62 (sáu mươi hai) nhẫn kim loại màu vàng đính đá; 13 (mười ba) lắc tay kim loại màu vàng trắng; 207 (hai trăm linh bảy) mặt dây chuyền kim loại màu vàng; 02 (hai) sợi dây da có gắn mặt kim loại màu vàng; 06 (sáu) dây chuyền cổ màu vàng; 01 (một) dây chuyền cổ màu vàng trắng; 47 (bốn mươi bảy) vòng tay kim loại màu vàng; 01 (một) vòng đá gắn kim loại màu vàng; 341 (ba trăm bốn mươi mốt) đôi bông tai kim loại màu vàng; 41 (bốn mươi mốt) đôi hoa tai (vòng tai) bằng kim loại màu vàng; 01 (một) vòng tay kim loại màu vàng; 275 (hai trăm bảy mươi lăm) nhẫn kim loại màu vàng; 91 (chín mươi mốt) đôi nhẫn kim loại màu vàng; 12 (mười hai) đôi hoa tai kim loại màu vàng; 01 (một) dây chuyền kim loại màu vàng trắng; 01 (một) lắc tay kim loại màu vàng trắng; 01 (một) vòng tay bằng đá có gắn kim loại màu vàng; 01 (một) nhẫn kim loại màu vàng; 01 (một) dây chuyền kim loại màu vàng; 01 (một) mặt dây chuyền kim loại màu vàng đính đá; 01 (một) nhẫn kim loại màu vàng gắn đá màu xanh; 01 (một) đôi hoa tai kim loại màu vàng; 01 (một) túi hạt kim loại màu vàng; 01 (một) sợi dây chuyền kim loại màu vàng trắng; 03 (ba) sợi dây chuyền kim loại màu vàng; 06 (sáu) đôi vòng tay kim loại màu vàng; 04 (bốn) nhẫn kim loại màu vàng; 01 (một) sợi dây chuyền kim loại màu vàng; 14 (mười bốn) sợi dây kim loại màu trắng; 535 (năm trăm ba mươi lăm) dây chuyền kim loại màu trắng; 217 (hai trăm mười bảy) lắc tay kim loại màu trắng; 177 (một trăm bảy mươi bảy) đôi hoa tai kim loại màu trắng; 06 (sáu) chùm quả đào kim loại màu trắng; 29 (hai mươi chín) dây kim loại màu trắng; 90 (chín mươi) nhẫn kim loại màu trắng; 41 (bốn mươi mốt) mặt dây chuyền kim loại màu trắng; 44 (bốn mươi bốn) đôi hoa tai kim loại màu trắng; 10 (mười) nhẫn kim loại màu vàng; 03 (ba) sợi dây chuyền kim loại màu vàng; 47 (bốn mươi bảy) vòng tay kim loại màu trắng; 08 (tám) dây chuyền kim loại màu trắng; 211 (hai trăm mười một) nhẫn kim loại màu trắng; 91 (chín mươi mốt) mặt dây chuyền kim loại màu trắng; 09 (chín)

vật cong màu trắng có gắn kim loại màu trắng ở đầu; 630 (sáu trăm ba mươi) vòng tay kim loại màu trắng; 116 (một trăm mười sáu) vòng cổ kim loại màu trắng; 37 (ba mươi bảy) dây kim loại màu trắng. (Toàn bộ số vàng trên đã được niêm phong theo quy định).

Quá trình điều tra, qua đối chiếu kiểm tra các ký hiệu trên sản phẩm vàng bị mất do các bị hại cung cấp với ký hiệu trên các sản phẩm vòng, nhẫn, dây chuyền, lắc tay, hoa tai...trùng khớp với một số trang sức vàng bạc tạm giữ khi khám xét khẩn cấp tại cửa hàng vàng bạc Kim P và Tùng H, nên ngày 16/7/2020 Cơ quan CSĐT, Công an tỉnh Lai Châu ra Quyết định trưng cầu giám định số 92/QĐ-CSHS gửi Viện khoa học hình sự - Bộ Công an giám định kim loại. Kết luận giám định của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an có bản kết luận giám định số 4726/C09(P4), ngày 31/8/2020 kết luận: các mẫu vật gửi giám định là hợp kim vàng, bạc, đồng, kẽm, niken.

Tại Bản kết luận giám định số: 4726/C09(P4) ngày 31/8/2020 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an đã kết luận về đối tượng giám định: (BL1386 – 1449)

Các mẫu kim loại màu vàng ghi thu của hiệu vàng Kim P đựng trong các túi nilon không màu ký hiệu 1A, 3A, 4A, 5A, 6A, 7A, 8A, 9A, 10A gửi giám định có kết quả như sau:

1. 01 (một) dây chuyền kim loại màu vàng ký hiệu PNJ – 01 (trong túi 10A) có tổng khối lượng 1,74 gam, (tính cả đá) là hợp kim vàng (Au), bạc (Ag), đồng (Cu), kẽm (Zn); hàm lượng trung bình Au: 75,70%, Ag: 10,50%, Cu: 12,51%, Zn: 1,29%.

2. Các mẫu kim loại màu vàng (nhẫn, dây chuyền, mặt dây chuyền) ký hiệu TLJ10K– 15 (trong túi 7A), ký hiệu TD610-01, TD610-02 (trong túi 8A); ký hiệu KL01, KL02, KL04, KN10KVA – 04 (trong túi 9A) có tổng khối lượng 20,96 gam, (tính cả đá) đều là hợp kim vàng (Au), bạc (Ag), đồng (Cu), kẽm (Zn); hàm lượng trung bình Au: 60,93%, Ag: 17,03%, Cu: 20,79%, Zn: 1,25%.

3. 01 (một) chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng ký hiệu TLJL10K-02 (trong túi 7A) có tổng khối lượng 1.50gam(tính cả đá) là hợp kim vàng (Au), bạc (Ag), đồng (Cu), kẽm (Zn); hàm lượng trung bình Au: 36,57%, Ag: 8,83%, Cu: 46,48%, Zn: 6,12%.

4. Các mẫu kim loại màu vàng (nhẫn, mặt dây chuyền) ký hiệu TLJ10K– 8, TLJ10K-11, TLJ10K-20, TLJ-01 (trong túi 7A); ký hiệu KNHJ (trong túi 9A) có tổng khối lượng 13,70 gam, (tính cả đá) đều là hợp kim vàng (Au), bạc (Ag), đồng (Cu), kẽm (Zn); hàm lượng trung bình Au: 29,82%, Ag: 11,93%, Cu: 51,95%, Zn: 6,30%.

5. Các mẫu kim loại màu vàng, trắng (nhẫn, dây chuyền, mặt dây chuyền, khuyên tai) còn lại trong các túi 1A, 3A, 4A, 5A, 6A, 7A, 8A, 9A, 10A có tổng khối lượng 1.751.67 gam (tính cả đá) đều là hợp kim vàng (Au), bạc (Ag), đồng

(Cu), kẽm (Zn); hàm lượng trung bình Au: 40,98%, Ag: 7,67%, Cu: 42,49%, Zn: 8,86%. Các mẫu kim loại có màu trắng do đều được mạ Rhodi (Rh).

Các mẫu kim loại màu vàng ghi thu của hiệu vàng Tùng Hoa đựng trong các túi nilon không màu ký hiệu 1A, 2A, 3A, 4A, 5A, 6A, 7A, 8A, 9A, 10A, 11A, 12A, 13A, 14A, 15A, 16A, 17A, 18A, 19A gửi giám định có kết quả như sau:

1. Các mẫu kim loại màu vàng (kiềng, nhẫn, khuyên tai, dây chuyền) ký hiệu KD 01 (trong túi 2A); ký hiệu 9999, TS01, TH01, KD01, KD02, KD, 03, KD04, (trong túi 19A) có tổng khối lượng 444,95g (tính cả lõi xi) đều là vàng (Au); hàm lượng trung bình Au: 99,54%

2. 01 (một) vòng đeo tay kim loại màu vàng ký hiệu ITALY (trong túi 3A) có tổng khối lượng 8,98 gam (tính cả đá) là hợp kim vàng (Au), bạc (Ag), đồng (Cu), kẽm (Zn); hàm lượng trung bình Au: 74,81%, Ag: 5,89%, Cu: 15,29%, Zn: 4,01%

3. 01 (một) dây chuyền kim loại màu trắng ký hiệu ITALY 04 (trong túi 4A) có tổng khối lượng 10,84gam là hợp kim vàng (Au), bạc (Ag), đồng (Cu), kẽm (Zn), niken (Ni); hàm lượng trung bình Au: 75,89%, Ag: 5,63%, Cu: 14,63%, Zn: 2,37%. Ni: 1,48%. Dây chuyền có màu trắng do được mạ Rhodi (Rh)

4. Các mẫu dây chuyền kim loại màu vàng ký hiệu ITALY01, ITALY03, ITALY06, ITALY07, ITALY08, ITALY09, ITALY10, ITALY011, ITALY012, ITALY013 (trong túi 4A) có tổng khối lượng 72,96 gam đều là hợp kim vàng (Au), đồng (Cu), kẽm (Zn), niken (Ni); hàm lượng trung bình Au: 75,58%, Cu: 16,40%, Zn: 3,97%, Ni: 4,05%.

5. 01 (một) dây chuyền kim loại màu đồng, vàng, trắng ký hiệu ITALY03, ITALY04 (trong túi 1A) có tổng khối lượng 34,59 gam, trong đó:

- Các mắt xích màu vàng, trắng đều là hợp kim vàng (Au), bạc (Ag), đồng (Cu), kẽm (Zn); hàm lượng trung bình Au: 75,51%, Ag: 7,85%, Cu: 13,06%, Zn: 3,58%. Các mắt xích có màu trắng đều do được mạ Rhodi (Rh).

- Các mắt xích màu đồng đều là hợp kim vàng (Au), bạc (Ag), đồng (Cu); hàm lượng trung bình Au: 74,95%, Ag: 2,32%, Cu: 22,73%.

6. 01 (một) dây chuyền kim loại màu vàng, trắng ký hiệu ITALY05 (trong túi 4A) có tổng khối lượng 6,24 gam, trong đó:

- 02 (hai) sợi dây màu vàng đều là hợp kim vàng (Au), bạc (Ag), đồng (Cu), kẽm (Zn); hàm lượng trung bình Au: 75,21%, Ag: 4,07%, Cu: 18,83%, Zn: 1,89%.

- 01 (một) sợi dây màu trắng là hợp kim vàng (Au), đồng (Cu), kẽm (Zn), niken (Ni); hàm lượng trung bình Au: 75,66%, Cu: 16,84%, Zn: 3,99%, Ni: 3,51%. Dây chuyền có màu trắng do được mạ Rhodi (Rh).

7. 01 (một) dây chuyền kim loại màu vàng, trắng, đồng ký hiệu ITALY02 (trong túi 4A) có tổng khối lượng 3,17 gam là hợp kim vàng (Au), bạc (Ag), đồng (Cu), kẽm (Zn); hàm lượng trung bình Au: 75,97%, Ag: 11,44%, Cu: 12,03%, Zn: 0,56%.

8. 01 (một) dây chuyền kim loại màu vàng ký hiệu BH02 (trong túi 4A) trong đó:

- Dây chuyền có tổng khối lượng 5,62 gam là hợp kim vàng (Au), bạc (Ag), đồng (Cu), kẽm (Zn); hàm lượng trung bình Au: 51,71%, Ag: 9,63%, Cu: 36,88%, Zn: 1,78%.

- Mặt dây chuyền có tổng khối lượng 3,01 gam (tính cả đá) là hợp kim vàng (Au), bạc (Ag), đồng (Cu), kẽm (Zn); hàm lượng trung bình Au: 60,58%, Ag: 15,13%, Cu: 23,93%, Zn: 0,36%.

9. 01 (một) dây chuyền kim loại màu vàng ký hiệu P01 (trong túi 4A) có tổng khối lượng 6,31 gam là hợp kim vàng (Au), bạc (Ag), đồng (Cu), kẽm (Zn), hàm lượng trung bình Au: 65,01%, Ag: 5,73%, Cu: 26,01%, Zn: 3,25%.

10. 01 (một) dây chuyền kim loại màu vàng ký hiệu P02 (trong túi 4A), trong đó:

- Dây chuyền có tổng khối lượng 3,24 gam là hợp kim vàng (Au), bạc (Ag), đồng (Cu), kẽm (Zn); hàm lượng trung bình Au: 65,29%, Ag: 6,02%, Cu: 25,58%, Zn: 3,11%.

- Mặt dây chuyền có tổng khối lượng 1,01 gam (tính cả đá) là hợp kim vàng (Au), bạc (Ag), đồng (Cu), kẽm (Zn); hàm lượng trung bình Au: 66,41%, Ag: 12,33%, Cu: 19,81%, Zn: 1,45%.

11. Các mẫu kim loại màu vàng (vòng đeo tay, dây chuyền, mặt dây chuyền, khuyên tai) ký hiệu KL01, KL02, KL03, KL04, KL05, KL06 (trong túi 3A); ký hiệu TD01, TD02, TD03, TD04, TD05, KL01, KL02 (trong túi 4A); ký hiệu TD (trong túi 10A); ký hiệu TD, TL05, KN33 (trong túi 12A); ký hiệu KN11 (trong túi 14A); ký hiệu TH02, KN70, KN93 (trong túi 15A) có tổng khối lượng 109,77 gam (tính cả đá) đều là hợp kim vàng (Au), bạc (Ag), đồng (Cu), kẽm (Zn); hàm lượng trung bình Au: 60,43%, Ag: 17,44%, Cu: 19,42%, Zn: 2,71%.

12. Các mẫu kim loại màu vàng (vòng cổ, kiềng, vòng đeo tay, dây chuyền) ký hiệu TS (trong túi 1A); ký hiệu 02 (trong túi 2A); ký hiệu TS, TSK (trong túi 3A); ký hiệu BH01, BH03, BH04 (trong túi 4A) có tổng khối lượng 52,45 gam (tính cả đá) đều là hợp kim vàng (Au), bạc (Ag), đồng (Cu), kẽm (Zn); hàm lượng trung bình Au: 51,18%, Ag: 9,22%, Cu: 33,94%, Zn: 5,66%.

13. 01 (một) dây chuyền kim loại màu vàng, trắng ký hiệu KN18 (trong túi 5A) có tổng khối lượng 11,17 gam, trong đó:

- Phần dây chuyền là hợp kim vàng (Au), bạc (Ag), đồng (Cu), kẽm (Zn); hàm lượng trung bình Au: 41,15%, Ag: 6,17%, Cu: 44,32%, Zn: 8,36%.

- Phần móc khóa là vàng (Au); hàm lượng Au: 99,68%.

14. Các mẫu kim loại màu vàng (nhân, mặt dây chuyền, khuyên tai) ký hiệu TN (trong túi 11A); ký hiệu KL03 (trong túi 12A); ký hiệu VNO2, KN67 (trong túi 15A); ký hiệu KN23, KN24 (trong túi 16A); ký hiệu KN41 (trong túi 17A) có tổng khối lượng 22,70 gam (tính cả đá) đều là hợp kim vàng (Au), bạc (Ag) đồng (Cu), kẽm (Zn); hàm lượng trung bình Au: 35,54%, Ag: 7,44%, Cu: 46,69%, Zn: 10,32%.

15. Các mẫu kim loại màu vàng, trắng còn lại trong và 7A, 8A, 9A, 10A, 11A, 12A, 13A, 14A, 15A, Trọng 4377,45 gam (tính cả đá) đều là hợp kim vàng (Au), bạc (Ag), đồng (Cu), kẽm (Zn); hàm lượng trung bình Au: 41,23%, Ag: 7,58,55%.

*** Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã xử lý các vật chứng sau:**

- 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu HONDA CRV màu sơn trắng, BKS 30F – 316.01, số máy: L15BG1117888, số khung: MRHRW1870JP081104, xe đã qua sử dụng.

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 500763 mang tên Nguyễn Trung T14, địa chỉ 42 Lô D KDA Hồ AD, Yên hụ, Tây ô, Hà Nội, biển kiểm soát đăng ký 30F – 316.01.

- 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định số KC 5867421 do trung tâm đăng kiểm xe cơ giới Thái Nguyên cấp ngày 29/6/2018.

Xét thấy không liên quan đến hành vi phạm tội của Nguyễn Văn N, nên Ngày 07/01/2020 Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Lai Châu ra Quyết định xử lý vật chứng số 03, trả lại tài sản cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Hà Thị Q, sinh năm 1995, bản Nang P, xã Phúc S, huyện Văn C, tỉnh Yên Bái.

*** Về dân sự:**

- Ông Nguyễn Huy T4, sinh năm 1972, trú tại : Tổ 6, phường Đoàn K, thành phố Lai C, tỉnh Lai Châu có mặt tại phiên tòa đề nghị Nguyễn Văn N bồi thường số tiền bằng số tiền theo kết quả định giá là 2.262.600.000 đồng.

- Anh Lê Hoài N3, sinh năm 1976, trú tại : 23 Lý Thường K, phường Lam S, thành phố Thanh H, tỉnh Thanh Hóa đề nghị Nguyễn Văn N bồi thường số tiền 658.018.000 đồng.

- Anh Đỗ Xuân D1, sinh năm 1967, trú tại : Tổ Lâm Khang, thị trấn Quất L, huyện Giao T, tỉnh Nam Định đề nghị Nguyễn Văn N bồi thường số tiền 404.920.000 đồng.

- Anh Nguyễn Văn T5, sinh năm 1944, HKTT: Tổ 7, thị trấn Đông H, huyện Đông H, tỉnh Thái Bình đề nghị bồi thường số tiền 1.097.450.000đ.

- Anh Tạ Văn P1, sinh năm 1970, HKTT : Khu 3, thị trấn Phù Y, huyện Phù Y, tỉnh Sơn La đề nghị Nguyễn Văn N bồi thường số tiền: 899.521.300 đồng.

- Chị Trần Doãn Thị Hương G, sinh năm 1980, HKTT : 16 Đào Duy T, phường Ba Đ, thành phố Thanh H, tỉnh Thanh Hóa đề nghị Nguyễn Văn N bồi thường số tiền 7.310.000.000 đồng.

- Chị Vũ Thị Kim D, sinh năm 1961 trú tại : Số nhà 187 Hàng T, phường Quang T, thành phố Nam Đ, tỉnh Nam Định đề nghị bồi thường số tiền 5.569.053.874đ và 500.000.000 đồng tiền các tài sản khác không định giá được.

- Anh Lê Đình B, sinh năm 1958, trú tại : Khối Kim T, phường Hòa H, thị xã Thái H, tỉnh Nghệ An đề nghị Nguyễn Văn N bồi thường số tiền 3.480.600.000 đồng.

- Chị Trần Thị T6, sinh năm 1962, trú tại : Tiểu khu Dương Tự M, thị trấn Đ, huyện Phú L, tỉnh Thái Nguyên đề nghị bồi thường số tiền 842.985.000 đồng.

- Ông Tống Văn L2, sinh năm 1962, trú tại: Tiểu khu Xuân H, thị trấn Nông C, huyện Nông C, tỉnh Thanh Hóa đề nghị bồi thường số tiền 1.649.494.300đ.

- Chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 1988, trú tại : Phố Thống N, thị trấn Vụ B, huyện Lạc S, tỉnh Hòa Bình đề nghị Nguyễn Văn N bồi thường số tiền 1.000.436.000 đồng.

- Anh Trịnh Hải V, sinh năm 1978, trú tại: Khu Thị A, thị trấn Hưng N, huyện Hưng H, tỉnh Thái Bình đề nghị bồi thường số tiền 1.593.360.000đ.

- Anh Lê Văn H7, sinh năm 1969, trú tại: Tổ 7, phường Nam H, thành phố Hà T, tỉnh Hà Tĩnh đề nghị Nguyễn Văn N bồi thường số tiền 2.961.525.000 đồng.

- Anh Lê Văn G1, sinh năm 1970, trú tại: Khu 3, TT Quán L, huyện Yên Đ, tỉnh Thanh Hóa đề nghị bồi thường số tiền 365.000.000 đồng.

- Chị Dương Thị T7, sinh năm 1975, trú tại: Khối 3, thị trấn Tân K, huyện Tân K, tỉnh Nghệ An đề nghị bồi thường số tiền 660.680.328 đồng.

- Bà Nguyễn Thị N2, sinh năm 1972, trú tại: Tiểu khu 4, thị trấn Mộc C, huyện Mộc C, tỉnh Sơn La đề nghị Nguyễn Văn N bồi thường số tiền 2.035.669.847 đồng.

- Anh Võ Văn P2, sinh năm: 1971, trú tại: Số nhà 62, đường Phan Đình P, phường Phước H, thành phố Tam K, tỉnh Quảng Nam đề nghị Nguyễn Văn N bồi thường số tiền 3.242.785.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thị Đức H4, sinh năm 1960, trú tại: Số 255 Tiểu L, Hà L, Thăng B, Quảng Nam đề nghị Nguyễn Văn N bồi thường 1.422.190.000 đồng.

- Chị Phí Thị Lan H5, sinh năm 1974, trú tại: Số nhà 35 đường Lê L, phường Vĩnh T, thành phố Lạng S, tỉnh Lạng Sơn đề nghị Nguyễn Văn N bồi

thường 3.693.850.000 đồng. .

- Chị Nguyễn Thị H8, sinh năm 1968, trú tại: Hưng Đ, thị trấn Tây Đ, huyện Ba V, thành phố Hà Nội đề nghị Nguyễn Văn N bồi thường số tiền 42.000.000 đồng.

- Anh Đặng Văn P3 sinh năm 1966, trú tại: Số 02, ngõ chợ Vân T, thôn Vân T, xã Vân N, huyện Đông A, Hà Nội đề nghị Nguyễn Văn N bồi thường thiệt hại số tiền 620.500.000đ;

- Chị Nguyễn Thị L3 sinh năm 1964 trú tại: Thôn Lưu X, xã Đức G, huyện Hoài Đ, TP Hà Nội đề nghị Nguyễn Văn N bồi thường 293.858.000đ.

- Chị Nguyễn Thị N4, sinh năm: 1975, HKTT: Số 73, tổ 4, khu Xuân H, thị trấn Xuân M, huyện Chương M, thành phố Hà Nội đề nghị Nguyễn Văn N bồi thường số tiền 552.102.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm 05/2021/HSST ngày 13 tháng 12 năm 2021, Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu đã quyết định:

1. Về hình phạt:

Căn cứ vào điểm b khoản 4 Điều 173; điểm r, s, t khoản 1 Điều 51, điểm b, g, h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn N 19 (*mười chín*) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55; Điều 56 của Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt của các bản án: Bản án HSST số 24/2019 ngày 21/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Nam S, tỉnh Hải Dương là 05 năm 09 tháng tù; Bản án HSST số 28/2019 ngày 30/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm G, tỉnh Hải Dương là 39 tháng tù; Bản án HSST số 59/2019 ngày 12/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh 16 năm tù, buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải chấp hành hình phạt chung của các bản án là 30 (*ba mươi*) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/12/2018.

Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 323; điểm g khoản 1 Điều 52, các Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt:

- Bị cáo Lại Quang P 11 (*mười một*) năm tù về tội “ Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Thời hạn tù tính từ ngày 17/10/2019.

- Bị cáo Tạ Thị S 10 (*mười*) năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Thời hạn tù tính từ ngày 18/10/2019.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ các điều 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải bồi thường thiệt hại cho các bị hại, cụ thể như sau:

- Ông Nguyễn Huy T4, sinh năm 1972, trú tại: Tổ 6, phường Đoàn K, thành phố Lai C, tỉnh Lai Châu số tiền 2.262.503.000 đồng (2.262.600.000 đồng – 79.000.000 đồng tiền mặt đã thu của Nguyễn Văn N).

- Anh Lê Hoài N3, sinh năm 1976, trú tại: 23 Lý Thường K, phường Lam

S, thành phố Thanh H, tỉnh Thanh Hóa số tiền là 658.018.000 đồng.

- Anh Đỗ Xuân D1, sinh năm 1967, trú tại: Tổ Lâm K, thị trấn Quất L, huyện Giao T, tỉnh Nam Định số tiền 404.920.000 đồng.

- Anh Nguyễn Văn T5, sinh năm 1944, HKTT: Tổ 7, thị trấn Đông H, huyện Đông H, tỉnh Thái Bình số tiền 1.097.450.000đ.

- Anh Tạ Văn P1, sinh năm 1970, HKTT: Khu 3, thị trấn Phù Y, huyện Phù Y, tỉnh Sơn La đề nghị Nguyễn Văn N số tiền 899.521.300 đồng.

- Chị Trần Doãn Thị Hương G, sinh năm 1980, HKTT: 16 Đào Duy T, phường Ba Đ, thành phố Thanh H, tỉnh Thanh Hóa bồi thường số tiền 7.310.000.000 đồng.

- Chị Vũ Thị Kim D, sinh năm 1961 trú tại: Số nhà 187 Hàng T, phường Quang T, thành phố Nam Đ, tỉnh Nam Định số tiền 5.569.053.874 đồng

- Anh Lê Đình B, sinh năm 1958, trú tại: Khối Kim T, phường Hòa H, thị xã Thái H, tỉnh Nghệ An đề nghị Nguyễn Văn N số tiền 3.480.600.000 đồng.

- Chị Trần Thị T6, sinh năm 1962, trú tại: Tiểu khu Dương Tự M, thị trấn Đ, huyện Phú L, tỉnh Thái Nguyên số tiền 842.985.000 đồng.

- Ông Tống Văn L2, sinh năm 1962, trú tại: Tiểu khu Xuân H, thị trấn Nông C, huyện Nông C, tỉnh Thanh Hóa số tiền 1.649.494.300đ.

- Chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 1988, trú tại: Phố Thống N, thị trấn Vụ B, huyện Lạc , tỉnh Hòa Bình số tiền 1.000.436.000 đồng.

- Anh Trịnh Hải V, sinh năm 1978, trú tại: Khu Thị A, thị trấn Hưng N, huyện Hưng H, tỉnh Thái Bình số tiền 1.593.360.000đ.

- Anh Lê Văn H12, sinh năm 1969, trú tại: Tổ 7, phường Nam H, thành phố Hà T, tỉnh Hà Tĩnh số tiền 2.961.525.000 đồng.

- Anh Lê Văn G1, sinh năm 1970, trú tại: Khu 3, TT Quán L, huyện Yên Đ, tỉnh Thanh Hóa số tiền 365.000.000 đồng.

- Chị Dương Thị T7, sinh năm 1975, trú tại: Khối 3, thị trấn Tân K, huyện Tân K, tỉnh Nghệ An số tiền 660.680.328 đồng.

- Bà Nguyễn Thị N2, sinh năm 1972, trú tại: Tiểu khu 4, thị trấn Mộc C, huyện Mộc C, tỉnh Sơn La số tiền 2.035.669.847 đồng.

- Anh Võ Văn P2, sinh năm: 1971, trú tại: Số nhà 62, đường Phan Đình P, phường Phước H, thành phố Tam K, tỉnh Quảng Nam số tiền 3.242.785.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thị Đức H4 (người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Ngọc S1, sinh năm 1960), trú tại: Số 255 Tiểu L, Hà L, Thăng B, Quảng Nam số tiền là 1.422.190.000 đồng.

- Chị Phí Thị Lan H5, sinh năm 1974, trú tại: Số nhà 35 đường Lê L, phường Vĩnh T, thành phố Lạng S, tỉnh Lạng Sơn số tiền là 3.693.850.000 đồng.

.

- Chị Nguyễn Thị H8, sinh năm 1968, trú tại: Hưng Đ, thị trấn Tây Đ, huyện Ba V, thành phố Hà Nội số tiền 42.000.000 đồng.

- Anh Đặng Văn P3 sinh năm 1966, trú tại: Số 02, ngõ chợ Vân T, thôn Vân T, xã Vân N, huyện Đông A, Hà Nội số tiền là 620.500.000đ;

- Chị Nguyễn Thị L3 sinh năm 1964 trú tại: Thôn Lưu X, xã Đức G, huyện Hoài Đ, TP Hà Nội số tiền là 293.858.000đ.

- Chị Nguyễn Thị N4, sinh năm: 1975, HKTT: Số 73, tổ 4, khu Xuân H, thị trấn Xuân M, huyện Chương M, thành phố Hà Nội số tiền là 552.102.000 đồng.

3. Về vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; các điểm a, c khoản 2, khoản 3 Điều 106; Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

*** Tịch thu tiêu hủy:**

+ Vật chứng thu tại Lai Châu (03 khoản)

- 01 (Một) tuốc nơ vít có kích thước dài 24 cm, cán màu vàng làm bằng nhựa, lưỡi bằng kim loại dài 13,2 cm, lưỡi rộng 0.6 cm.

- 01 (Một) tuốc nơ vít dài 30 cm, cán màu vàng làm bằng nhựa, lưỡi bằng kim loại dài 19 cm, lưỡi rộng 05 cm.

- Mẫu vân chân trên hiện trường và các vật chứng khác có liên quan.

+Vật chứng vụ án thu tại tỉnh Sơn La: (06 khoản)

- 01 (một) chiếc kéo cắt vải màu đen, chiều dài 29,5cm; bản kéo rộng trung bình 2,5cm; thân kéo có ký hiệu dập lõm “Coc cuan”

- 01 (một) con dao cắt giấy vỏ bằng nhựa màu vàng, đen, chiều dài 15,5cm; điểm rộng nhất thân dao 04cm; dây 02cm; vỏ dao ký hiệu “ADSL-22” bọc lưỡi dao dày 0,5cm; lưỡi dao chìa ra bên ngoài 1,7cm.

- 01 (một) chiếc kim loại nhỏ bằng kim loại và 01 (một) chiếc kim điện màu đỏ.

- 01 (một) chiếc tuốc tua vít bốn cạnh dài 28,5cm; chuôi bằng nhựa màu vàng, đỏ, trên chuôi có một vết lõm dài 0,5cm.

- 01 (một) chiếc đèn chiếu laser màu tím. Ký hiệu: NG8.

- 01 (một) phong bì mặt trước ghi: Vết trượt trên tường ngoài hành lang tầng 4 của tiệm vàng Hưng N. Ký hiệu: NG4.

+ Vật chứng vụ án thu tại tỉnh Quảng Nam:

- 01 (một) đèn pin cầm tay, hình trụ tròn, màu đen, dài 19cm, đường kính rộng nhất 4cm, trên thân đèn pin có chữ POLICE

- 01 (một) con dao có chiều dài 23cm, phần cán dao bằng gỗ dài 11,5cm, chỗ rộng nhất 1,4cm, phần lưỡi dao bằng kim loại màu trắng có kích thước 11,5cm, chỗ rộng nhất 2,1cm.

+ Vật chứng vụ án thu tại tỉnh Hà Tĩnh (01 khoản):

- 03 (ba) đoạn song gỗ đã bị cửa đứt rời, đường kính 03 cm, trong đó 01

đoạn dài 12 cm, 02 đoạn dài 24 cm.

+ Vật chứng vụ án thu tại tỉnh Hòa Bình:

- 01 (một) xà cày bằng kim loại, màu xanh thẫm có kích thước dài khoảng 45cm, có 02 (hai) đầu dẹt. Trong đó đầu dẹt thứ nhất được uốn cong có kích thước dài khoảng 5cm, bề ngang rộng nhất có kích thước 2,5cm. Đầu dẹt thứ hai được uốn cong hình móc câu, phần lưỡi được chia tách thành 02 lưỡi nhỏ, ở giữa có khe hở hình chữ V, đoạn uốn cong có kích thước dài khoảng 09cm, đoạn rộng nhất của 02 lưỡi có kích thước 03cm. Phần thân chiếc xà cày có hình trụ 06 cạnh, đoạn giữa trên thân xà cày có dập chìm chữ “ C - MART”.

+ Vật chứng vụ án thu tại tỉnh Thái Nguyên:

- 01 (một) con dao dài 35cm, cán dao bằng gỗ hình trụ tròn dài 12cm, lưỡi dao dài 23cm, bản rộng nhất 06cm.

- 04 (bốn) mẫu tóc thu tại hiện trường vụ án.

Và một số vật chứng khác liên quan đến vụ án

+ Vật chứng vụ án thu tại tỉnh Lạng Sơn:

- 01 (Một) chiếc khăn vải màu xám dài 53cm, rộng 47 cm

- 01 (Một) chiếc kéo sắt màu đen, chiều dài 22cm

+ Vật chứng vụ án thu tại tỉnh Nam Định:

- 01 (Một) chiếc kìm cộng lực dài 50cm, loại kìm có 02 lưỡi cắt, có 02 cán dài 40 cm màu đỏ, đầu cán có ốp nắm bằng cao su màu đen.

- 01 (Một) chiếc dây da màu nâu dài khoảng 1m, đầu dây da bằng kim loại.

- 01 (Một) đĩa DVD ghi vụ Giao T, Nam Định xảy ra ngày 22/3/2014

- 01 (Một) đĩa DVD ghi vụ thành phố Nam Định xảy ra ngày 06/7/2015

- 01 (Một) USB ghi vụ Nam Định

+ Vật chứng vụ án thu tại tỉnh Nghệ An:

01 (Một) chiếc tuốc nơ vít, chiều dài 20 cm, cán nhựa màu vàng dài 10 cm, đầu kim loại dẹt.

+ Vật chứng vụ án thu tại tỉnh Thanh Hóa:

- 01 (Một) Tuốc nơ vít, kích thước dài 20cm, cán dài 8cm đường kính 2,5cm.

+ Vật chứng các vụ án thu tại thành phố Hà Nội.

- 01 (một) đoạn tuýp sắt dài 125cm, đường kính 2,5cm.

- 01 (một) thìa kim loại.

- 01 (một) giẻ màu đỏ

- 01 (một) khăn vải thô cầm

- 02 (hai) khay hình chữ nhật KT (26x19)cm.

+ Vật chứng thu giữ đồ vật, tài liệu của Nguyễn Văn N.

- 01 (một) ba lô bằng vải màu đen, đã qua sử dụng.

- 01 (một) túi xách du lịch giả da màu vàng, nhãn hiệu Three - box, đã qua sử dụng.

- 01 (một) áo khoác giả da màu đen, nhãn hiệu BI LUXURY size 39, đã qua sử dụng.

- 01 (một) áo khoác nỉ dài tay màu đen, trên hai cánh tay áo có dòng chữ DOLCE&GABBANA, sau lưng áo có hình con vật, đã qua sử dụng.

- 01 (một) chiếc quần dài bằng nỉ màu đen, dọc hai ống quần có dòng chữ DOLCE&GABBANA, đã qua sử dụng.

- 01 (một) chiếc mũ len màu xám có hoa văn màu trắng, trên mũ có chữ GUCCI, đã qua sử dụng.

- 01 (một) khẩu trang y tế màu trắng, xám, nhãn hiệu Bạch Tuyết, đã qua sử dụng

- 01 (một) giấy phép lái xe số 011071001227 mang tên Nguyễn Mạnh H sinh ngày 11/06/1987, nơi cư trú: Tổ 80B, phường Kim L, Quận Đống Đ, thành phố Hà Nội do Sở giao thông vận tải thành phố Hà Nội cấp ngày 30/12/2014.

- 01 (một) giấy phép lái xe Số: AS232043, mang tên Nguyễn Mạnh H, do Sở Giao thông vận tải tỉnh Phú Thọ cấp ngày 06/07/2011 (trả lại hay tịch thu?)

*** Trả lại cho Nguyễn Văn N:**

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu trắng, đen, điện thoại cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng máy bên trong, số IMEI: 353042093810534.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đỏ Model 1280, số IMEI: 35825304824953/G

*** Trả lại cho Lò Văn T8:**

- 23 điện thoại cảm ứng các loại, đã qua sử dụng (theo biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu):

*** Trả lại cho bị cáo Lại Quang P gồm:**

- 01 (một) chiếc điện thoại Iphone 6S màu trắng số IMEI: 355432078232457 (đã qua sử dụng), trên máy có gắn thẻ sim số 0986106862; 01(một) chiếc điện thoại Iphone 6s màu ghi số IMEI: 353337075791391 (đã qua sử dụng), trên máy có gắn thẻ sim số 0989920096. Đã được niêm phong bằng một phong bì thư do bưu điện phát hành, mặt trước phong bì ghi “02 chiếc điện thoại thu giữ của Lại Quang P”.

- 01 (một) đầu ghi camera nhãn hiệu Dahua, màu đen loại 16 mắt cam. Bên dưới có dán tem in dòng chữ SIN: 5A02A3EPBQ57865. Đã được niêm phong (có biên bản niêm phong kèm theo); 01(một) cục chuyển nguồn 220V sang 12V; 01(một) cây CPU màu đen phía trước có dán tem in dòng chữ, doanh nghiệp tư nhân Bình N.

- 01 hòm tôn được niêm phong và được khóa bằng khóa Việt Tiệp các mép nắp hòm tôn được dán băng dính trong suốt. Trên mặt hòm tôn có dán một tờ giấy A4 màu trắng trên giấy ghi “*Đồ vật tạm giữ trong quá trình khám xét tiệm vàng Kim P ngày 17/10/2019,*”, tại các mép nắp hòm tôn có dán tờ giấy có chữ ký và tên của những người tham gia niêm phong và hai hình dấu tròn của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Lai Châu. Đồ vật tài liệu bên trong hòm là con dấu, sổ sách, hóa đơn (có thống kê tại biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu, niêm phong của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Lai Châu kèm theo)

- 01 hòm tôn bên trong được khóa bằng khóa VIỆT TIỆP, các mép nắp của hòm tôn được dán băng dính trong suốt. Trên mặt hòm tôn có dán một tờ giấy A4 màu trắng trên giấy ghi “*Đồ vật tạm giữ trong quá trình khám xét tiệm vàng Kim P ngày 17/10/2019, hòm 1B*”, tại các mép nắp hòm tôn có dán tờ giấy có chữ ký và tên của những người tham gia niêm phong và hình dấu tròn của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Lai Châu. Đồ vật tài liệu bên trong hòm gồm: (có thống kê tại biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu, niêm phong của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Lai Châu kèm theo)

*** Trả lại cho bị cáo Tạ Thị S**

+ 01 (một) hộp catton đã được niêm phong bên trong có:

01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu I phone 7 Plus, màu vàng, số IMEI: 356695080524280 kèm theo 01 (một) sim nhà mạng Vinaphone là số thuê bao 0842088415; 01 (một) đầu thu camera nhãn hiệu QUESTES màu đen, loại ECO - 6108AHD và một dây nguồn cắm trực tiếp vào đầu thu.

01 (một) thẻ ngân hàng mang tên Tạ Thị S, Số 9704050717865153

Số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) tiền Việt Nam hiện đang lưu hành, chưa kiểm tra đặc tính thật giả của tiền;

01 (một) quyển sổ màu đen, bên trong sổ có chữ và những con số trên một số trang giấy, sổ đã qua sử dụng;

01 (một) sổ tiết kiệm có kỳ hạn mang tên Bùi Thị H6 có số (AC 00010941332) của ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam;

05 (năm) tờ hóa đơn có những chữ số, trên hóa đơn có chữ ký và họ tên của Tạ Thị S.

+ 01 hòm tôn được khóa bằng khóa Việt Tiệp, các mép nắp hòm được dán giấy và băng dính trong suốt. Trên mặt hòm tôn có dán một tờ giấy A4 màu trắng trên giấy ghi “*Hiệu vàng Tùng H, hòm số 1B, tạm giữ đồ vật trong quá trình khám xét ngày 17/10/2019*”, tại các mép nắp hòm tôn có dán tờ giấy có chữ ký và tên của những người tham gia niêm phong và hình dấu tròn của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Lai Châu; 01 hòm tôn được khóa bằng khóa Việt Tiệp, các mép nắp hòm được dán giấy và băng dính trong suốt. Trên mặt hòm tôn có dán 01 tờ giấy A4 màu trắng trên giấy ghi “*Hiệu vàng Tùng H, hòm số 2, tạm giữ đồ vật trong quá trình khám xét ngày 17/10/2019*”, tại các mép nắp hòm tôn có dán

tờ giấy có chữ ký và tên của những người tham gia niêm phong và hình dấu tròn của cơ quan CSĐT Công an tỉnh Lai Châu; 01 hòm tôn được khóa bằng khóa iệt Tiệp, các mép nắp hòm được dán giấy và băng dính trong suốt. Trên mặt hòm tôn có dán một tờ giấy A4 màu trắng ghi “*Hiệu vàng Tùng H, hòm số 3, tạm giữ đồ vật trong quá trình khám xét ngày 17/10/2019*”, tại các mép nắp hòm tôn có dán tờ giấy có chữ ký và tên của những người tham gia niêm phong và hình dấu tròn của cơ quan CSĐT Công an tỉnh Lai Châu. Đồ vật tài liệu bên trong các hòm gồm (có thống kê tại biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu, niêm phong của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Lai Châu kèm theo) - Thông báo số 03/2022/TB-TA ngày 06/01/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu về việc sửa chữa, bổ sung bản án bổ sung 02 hòm tôn số 2 và số 3.

*** Trả cho chị Nguyễn Thị Thanh T16** ở thôn Phúc T xã Tây C, huyện Doan H, tỉnh Phú Thọ là chủ sở hữu chiếc xe máy nhãn hiệu Honda AIRBLADE màu sơn đỏ biển kiểm soát 29-K1.25603, số khung RLHJF1805AY303002, số máy JF27E-0346957 cũ, đã qua sử dụng .

*** Trả lại cho anh Nguyễn Huy T4:**

+ Số tiền 79.000.000 đồng là số tiền do N phạm tội mà có thu giữ từ Lò Văn T8 (số tiền trên do N bán vàng trộm cắp được của nhà anh T4).

*** Trả cho các bị hại:** Đỗ Xuân D1 (Hiệu vàng Ngọc A), Vũ Thị Kim D (Hiệu vàng Kim D – Sài G), Chu Văn L4 (Hiệu vàng Tiêu L), Nguyễn Thị H2 (Hiệu vàng Long T), Bùi Văn T12 (Hiệu vàng Tuấn N), Dương Thị T7 (Hiệu vàng Ngọc K) và Nguyễn Huy T4 (Hiệu vàng Tuấn T) chia theo kỹ phân:

+ Toàn bộ số vàng, tài sản đựng trong 01 hòm tôn được khóa bằng khóa VIỆT TIỆP, các mép nắp hòm tôn được dán băng dính trong suốt. Trên mặt hòm tôn có dán một tờ giấy A4 màu trắng trên giấy ghi “*Đồ vật tạm giữ trong quá trình khám xét tiệm vàng Kim P ngày 17/10/2019, hòm 1A*”, tại các mép nắp hòm tôn có dán tờ giấy có chữ ký và tên của những người tham gia niêm phong và hai hình dấu tròn của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Lai Châu. Bên trong hòm (có thống kê tại biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu, niêm phong của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Lai Châu kèm theo).

+ Toàn bộ số vàng, tài sản đựng trong 01 hòm tôn được khóa bằng khóa Việt Tiệp Các mép nắp hòm được dán giấy và băng dính trong suốt. Trên mặt hòm tôn có dán một tờ giấy A4 màu trắng trên giấy ghi “*Hiệu vàng Tùng H, hòm số 1A, tạm giữ đồ vật trong quá trình khám xét ngày 17/10/2019*”, tại các mép nắp hòm tôn có dán tờ giấy có chữ ký và tên của những người tham gia niêm phong và hình dấu tròn của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Lai Châu. Đồ vật tài liệu bên trong hòm gồm (có biểu kê chi tiết kèm theo).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, về trách nhiệm thi hành án và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/12/2021, bị cáo Tạ Thị S có đơn kháng cáo không đồng ý mức hình phạt và số tài sản vàng, bạc bị thu giữ của gia đình bị cáo. Tòa án sơ thẩm chỉ trả lại 01 hòm (số 1B) là không đúng, đề nghị xem xét trả lại các hòm tôn còn lại đang bị thu giữ vì là tài sản chung của gia đình bị cáo.

Ngày 27/12/2021, người bị hại là chị Vũ Thị Kim D có đơn kháng cáo đề nghị xem xét có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm đối với Bùi Thị H6 và Nguyễn Thanh T15 (là con gái và con rể bị cáo Tạ Thị S) về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” và tăng hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Văn N, Tạ Thị S.

Cùng ngày (27/12/2021), người bị hại là chị Nguyễn Thị H2 có đơn kháng cáo có nội dung tương tự kháng cáo của bị hại Vũ Thị Kim D và có bổ sung thêm yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo Lại Quang P, truy tố bị cáo S và bị cáo P thêm tội “Không tố giác tội phạm”, đề nghị xem xét trả tài sản thu giữ của bị cáo S, bị cáo P cho các bị hại.

Ngày 29/12/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Bùi Thị H6 có đơn kháng cáo với nội dung số vàng bạc bị thu giữ tại hiệu vàng Tùng H là tài sản của vợ chồng chị. Tòa án sơ thẩm xác định toàn bộ tài sản thu giữ là của bị cáo S (mẹ chị) và tịch thu tài sản để bồi thường cho các bị hại là xâm phạm quyền lợi của gia đình chị. Đề nghị trả lại toàn bộ vàng bạc, đá quý đã thu giữ của vợ chồng chị.

Ngày 04/01/2022, người bị hại là bà Nguyễn Thị N2 có đơn kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Văn N, Lại Quang P; yêu cầu bị cáo N và bị cáo P bồi thường thiệt hại; đề nghị xem xét trả lại tài sản tịch thu của S, P để khắc phục một phần hậu quả và làm rõ nguồn gốc tài sản, xe của Hà Thị Q (sống chung như vợ chồng với bị cáo N).

Cùng ngày (04/01/2022), người bị hại là ông Tống Văn L2 có đơn kháng cáo đề nghị xem xét có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm đối với Bùi Thị H6 và Nguyễn Thanh T15 (con gái và con rể bị cáo Tạ Thị S) và tăng hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Văn N, Tạ Thị S và Lại Quang P.

Ngày 06/01/2022, người bị hại là ông Trần Ngọc S1 (chồng của bị hại Nguyễn Thị Đức H4) có đơn kháng cáo đề nghị xem xét thiệt hại là chênh lệch giá giữa kết luận định giá với giá vàng theo thị trường hiện nay; yêu cầu phải ấn định thời hạn thi hành án, trách nhiệm do không thi hành và buộc bị cáo P là người tiêu thụ tài sản trộm cắp phải bồi thường cho gia đình ông, sau đó bị cáo N phải trả cho bị cáo P theo nghĩa vụ hoàn lại.

Ngày 14/01/2022, người bị hại là chị Phí Thị Lan H5 có đơn kháng cáo không đồng ý Tòa án cấp sơ thẩm trả lại số vàng trong 02 hòm tôn của hiệu vàng Tùng H và hiệu vàng Kim P cho 07 bị hại, đề nghị sửa bản án sơ thẩm về phần xử lý vật chứng theo hướng tài sản thu giữ liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo N được trả lại cho các bị hại và gia đình chị theo kỹ phần giá trị bị thiệt hại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Văn N, Tạ Thị S và Lại Quang P thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Bị cáo N đồng ý bồi thường thiệt hại giá trị tài sản cho các bị hại theo kết luận định giá của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự và giữ nguyên ý kiến trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm. Bị cáo Tạ Thị S khai nhận sau khi mua số vàng, bạc của bị cáo N thì để một phần bày, bán tại cửa hàng, số còn lại mang về bán cho Công ty vàng bạc Kim N có địa chỉ tại 56 Hàng B, Hà Nội (sau đây viết tắt là Công ty Kim N); bị cáo P xác định đã bán toàn bộ số vàng, bạc mua của bị cáo N cho Công ty vàng bạc Kim N và cửa hàng vàng số 75 Hàng B, Hà Nội nên tại hiệu vàng của bị cáo S và bị cáo P không còn vàng, bạc trộm cắp mua của bị cáo N. Số vàng Cơ quan CSĐT thu giữ là do các bị cáo S, P mua của Công ty Kim N về để bán, có hóa đơn giấy tờ. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo S, bị cáo P và trả lại cho các bị cáo số tài sản đang bị thu giữ.

Người bị hại là chị Vũ Thị Kim D, chị Nguyễn Thị H2 và ông Trần Ngọc S1 đều đồng ý giá trị tài sản bị thiệt hại do Nguyễn Văn N trộm cắp theo kết luận định giá của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự và thừa nhận bản án sơ thẩm đã tuyên buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải bồi thường giá trị tài sản thiệt hại cho gia đình các chị và ông S1 theo kết luận định giá tài sản mà Hội đồng định giá đã xác định. Chị D, chị H2 cho rằng bị cáo S bảo Bùi Thị H6 (là con bị cáo S) gọi Nguyễn Thanh T15 (là chồng H6) về kiểm tra vàng nên vợ chồng Bùi Thị H6, Nguyễn Thanh T15 có liên quan đến vụ án. Bị cáo S, P được hưởng lợi nhiều từ việc tiêu thụ tài sản do bị cáo N trộm cắp mà có và trong số tài sản bị thu giữ của bị cáo S, bị cáo P có một phần tài sản của các bị hại từ đó đề nghị tăng hình phạt đối với các bị cáo và được nhận lại một phần tài sản từ tài sản thu giữ của bị cáo S, bị cáo P. Ông Trần Ngọc S1 xác nhận đã được Hội đồng xét xử phúc thẩm giải thích thỏa mãn kháng cáo của ông; đảm bảo đầy đủ quyền, nghĩa vụ của các bị hại tại phiên tòa phúc thẩm và đề nghị sớm được bồi thường thiệt hại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo là chị Bùi Thị H6 cho rằng số tài sản bị thu giữ tại hiệu vàng Tùng H là của vợ chồng chị, do hai gia đình góp vốn cho vợ chồng chị mở hiệu vàng kinh doanh tài sản, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét trả lại tài sản cho gia đình chị.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn N trình bày: Mức hình phạt cao nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 4 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 là 20 năm, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Văn N 19 năm tù và tổng hợp hình phạt của 03 bản án đã có hiệu lực pháp luật buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải chấp hành hình phạt chung là 30 năm tù. Do đó, các bị hại kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn N là không có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo tăng hình phạt của các bị hại.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Tạ Thị S trình bày: Bị cáo S kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và trả lại tài sản của gia đình bị cáo bị thu giữ. Quá trình điều tra, xét xử bị cáo S thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo S là người có văn hóa thấp, nhận thức pháp luật hạn chế thuộc trường hợp được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, m khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, nhưng không được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng cho bị cáo S được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ nêu trên và áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo S được hưởng mức án dưới khung hình phạt. Đối với kháng cáo về tài sản bị thu giữ của bị cáo S thấy: Tòa án cấp sơ thẩm chia kỹ phần số vàng đang thu giữ của bị cáo S cho một số bị hại trong khi đã tuyên buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải bồi thường cho các bị hại là không đúng quy định tại Điều 89 Bộ luật tố tụng hình sự về xử lý vật chứng. Tài sản bị thu giữ tại hiệu vàng Tùng H là tài sản chung của vợ chồng bị cáo và có một phần là di sản thừa kế của chồng bị cáo để lại chưa được các thừa kế làm thủ tục khai nhận thừa kế. Số tài sản này không phải là tài sản do trộm cắp được mà có. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Tạ Thị S và trả lại tài sản đang bị thu giữ cho bị cáo, gia đình bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích nội dung vụ án, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, ý kiến của Luật sư, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và vật chứng thu giữ được đã kết luận: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Văn N về tội “Trộm cắp tài sản” và bị cáo Tạ Thị S, bị cáo Lại Quang P về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét kháng cáo của các bị hại đề nghị tăng hình phạt đối với các bị cáo thấy: Bị cáo Nguyễn Văn N trộm cắp tài sản ở nhiều nơi với tài sản có giá trị đặc biệt lớn. Quá trình điều tra, xét xử bị cáo N thành khẩn khai báo, tích cực hợp tác với CQĐT nên Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo để xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 19 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Đối với bị cáo Tạ Thị S và bị cáo Lại Quang P: Vì mục đích tư lợi đã nhiều lần tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Bị cáo S và bị cáo P có nhân thân tốt, thành khẩn khai báo. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Tạ Thị S 10 năm tù và bị cáo Lại Quang P 11 năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là phù hợp với hành vi phạm tội của các bị cáo.

Xét kháng cáo của các bị hại về việc bỏ lọt tội phạm đối với Bùi Thị H6, Nguyễn Thanh T15 (là con bị cáo S) về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” thấy: Vợ chồng Bùi Thị H6, Nguyễn Thanh T15 là con gái và con rể bị cáo Tạ Thị S biết việc mua bán vàng, bạc của bị cáo S, bị cáo P với bị cáo Nguyễn Văn N là do bị cáo S gọi T15 đến kiểm tra chất lượng vàng, nhưng

vợ chồng T15 – H6 không trực tiếp tham gia mua bán vàng và không biết tài sản mua bán giữa bị cáo S với bị cáo N là do trộm cắp mà có nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị hại.

Đối với kháng cáo về xử lý vật chứng thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải bồi thường toàn bộ giá trị tài sản trộm cắp cho các bị hại, nhưng lại trả lại số vàng đang thu giữ của hiệu vàng Tùng H và hiệu vàng Kim P cho một số bị hại trong khi không làm rõ được số vàng thu giữ tại 02 hiệu vàng này là vàng do bị cáo Nguyễn Văn N trộm cắp của các bị hại là không đúng. Đồng thời, Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước đối với số tiền bị cáo S, bị cáo P hưởng lợi từ việc tiêu thụ tài sản do trộm cắp mà có cũng là không đúng. CQĐT đã tiến hành xác minh tại Công ty Kim N để làm rõ số tiền thu lợi của bị cáo S, bị cáo P nhưng chỉ xác định được bị cáo S, bị cáo P có quan hệ mua, bán vàng với công ty, do thời gian đã lâu nên công ty không nhớ đặc điểm, số lượng vàng và không biết nguồn gốc số vàng bị cáo S, bị cáo P bán cho công ty. Các bị cáo S, P mua bán tài sản trộm cắp lén lút, không có hóa đơn chứng từ chứng minh, tại phiên tòa phúc thẩm đã làm rõ được số tiền bị cáo S và bị cáo P hưởng lợi bất chính nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền thu lợi bất chính như lời khai của các bị cáo và tạm giữ số vàng của bị cáo S, bị cáo P đang bị thu giữ để đảm bảo việc thi hành án. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo S, không chấp nhận kháng cáo của các bị hại về việc đề nghị tăng hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Văn N, Tạ Thị S và Lại Quang P, đề nghị xem xét có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm đối với vợ chồng Bùi Thị H6, Nguyễn Thanh T15; xác định lại giá trị thiệt hại chênh lệch, ấn định thời hạn thi hành án và trả lại cho các bị hại tài sản thu giữ của bị cáo S, bị cáo P; sửa một phần bản án sơ thẩm về phần xử lý vật chứng theo hướng tịch thu số tiền thu lợi bất chính của bị cáo S, bị cáo P đã khai nhận tại phiên tòa và tạm giữ số vàng của các bị cáo S, P để đảm bảo việc thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[I] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị hại có kháng cáo là ông Tổng Văn L2 và chị Trần Thị Quỳnh H3 (là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị N2) vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Người bị hại là chị Phí Thị Lan H5 vắng mặt. Các bị cáo, các bị hại có kháng cáo có mặt tham gia phiên tòa, các Luật sư và đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị tiến hành xét xử. Hội đồng xét xử thảo luận và căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự quyết định tiến hành xét xử.

[II] Về nội dung:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Văn N, Tạ Thị S và Lại Quang P thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; lời khai của người bị hại; lời khai của người làm chứng; vật chứng thu giữ, kết luận giám định cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Bằng thủ đoạn thuê xe ôm hoặc taxi đi quan sát những cửa hàng vàng bạc có sơ hở rồi chuẩn bị công cụ phạm tội như: Ba lô, tô vít, đèn khò, khẩu trang, mũ, áo chống nắng... để ngụy trang, tránh bị phát hiện và chọn thời gian thuận lợi để trộm cắp vàng bạc. Trong thời gian từ tháng 02/2014 đến ngày 06/12/2018, Nguyễn Văn N một mình thực hiện 23 vụ trộm cắp của 23 hiệu vàng trên địa bàn 12 tỉnh, thành phố gồm: Hòa Bình, Nam Định, Nghệ An, Hà Tĩnh, Sơn La, Lạng Sơn, Thanh Hóa, Hà Nội, Thái Bình, Quảng Nam, Thái Nguyên, Lai Châu chiếm đoạt tài sản có tổng trị giá 41.620.248.649 đồng để lấy tiền tiêu xài, sử dụng cá nhân.

Đối với bị cáo Tạ Thị S và bị cáo Lại Quang P: Mặc dù biết và nhận thức được số vàng, bạc Nguyễn Văn N đem bán là do phạm tội mà có, nhưng vì hám lợi nên Lại Quang P và Tạ Thị S đã nhiều lần tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có.

Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu đã xét xử bị cáo Nguyễn Văn N về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 4 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 và các bị cáo Lại Quang P và Tạ Thị S về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo điểm b khoản 4 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[1] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Tạ Thị S và kháng cáo của người bị hại là chị Vũ Thị Kim D, chị Nguyễn Thị H2, bà Nguyễn Thị N2 (người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là chị Trần Thị Quỳnh H3), ông Tống Văn L2 đề nghị tăng hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Văn N, Tạ Thị S và Lại Quang P; đề nghị xem xét có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm đối với Bùi Thị H6 và Nguyễn Thanh T15 (là con gái và con rể bị cáo S), làm rõ nguồn gốc tài sản của Hà Thị Q. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Bị cáo Nguyễn Văn N thực hiện 23 vụ trộm cắp tài sản tại các hiệu vàng ở 12 tỉnh, thành phố trong khoảng thời gian liên tục từ năm 2014 đến cuối năm 2018 chiếm đoạt tài sản có giá trị đặc biệt lớn. Bị cáo N lấy việc phạm tội là nguồn sống chính nên thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần và có tính chất chuyên nghiệp. Bị cáo có nhân thân xấu, có 01 tiền án chưa được xóa án lại tiếp tục phạm tội nên phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Mức án 19 năm tù Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Văn N là chưa tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo nên cần chấp nhận kháng cáo của các bị hại đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn N, xét xử bị cáo Nguyễn Văn N mức án cao nhất của khung hình phạt để thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, giáo dục cải tạo bị cáo và đấu tranh phòng chống tội phạm chung.

Đối với bị cáo Tạ Thị S và bị cáo Lại Quang P biết được tài sản bị cáo Nguyễn Văn N trộm cắp mà có, nhưng vì hám lời nên đã nhiều lần tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có. Bị cáo S và bị cáo P có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo S và P thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo để xử phạt bị cáo Tạ Thị S mức án 10 năm tù và bị cáo Lại Quang P mức án 11 năm tù đều về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là phù hợp, đủ tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của các bị hại đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Tạ Thị S, bị cáo Lại Quang P và kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Tạ Thị S.

Đối với kháng cáo đề nghị xem xét dấu hiệu bỏ lọt tội phạm đối với Bùi Thị H6 và Nguyễn Thanh T15 (là con gái và con rể bị cáo S) thấy: Căn cứ lời khai của bị cáo Tạ Thị S, lời khai của anh Nguyễn Thanh T15 thể hiện trong số lần bị cáo S mua tài sản trộm cắp của bị cáo N thì có 01 lần anh T15, chị H6 biết việc bị cáo S mua bán vàng với bị cáo N, nhưng anh T15, chị H6 không trực tiếp tham gia thỏa thuận mua bán, không tham gia thanh toán và không biết Tạ Thị mua vàng do bị cáo Nguyễn Văn N trộm cắp được mà có nên không có đủ căn cứ để xem xét xử lý hình sự đối với Bùi Thị H6 và Nguyễn Thanh T15. Do đó, kháng cáo của các bị hại đề nghị xem xét có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm đối với Bùi Thị H6 và Nguyễn Thanh T15 là không có cơ sở chấp nhận.

Đối với kháng cáo đề nghị làm rõ nguồn gốc tài sản, xe của Hà Thị Q có liên quan đến tài sản phạm tội thấy: Chị Hà Thị Q là người chung sống như vợ chồng với bị cáo Nguyễn Văn N trong thời gian bị cáo N bị truy nã, nhưng do bị cáo N làm giả chứng minh thư và lấy tên là Nguyễn Mạnh H nên chị Q không biết tên thật của H là N, không biết N bị truy nã và không biết N trộm cắp tài sản. Nhà và các tài sản của chị Q là do chị Q có được trước khi chung sống với bị cáo N, bị cáo N không có tài sản chung với chị Q và thỉnh thoảng mới về nhà chị Q. Quá trình chung sống, N chỉ mua một số vật dụng gia đình sinh hoạt hàng ngày. Quá trình điều tra, bị cáo N cũng khai nhận toàn bộ số tiền có được từ tài sản trộm cắp, bị cáo N đã tiêu xài cá nhân và đánh bạc. Do đó, không có căn cứ xác định tài sản của chị Q có liên quan đến tài sản phạm tội.

[2] Xét kháng cáo của chị Bùi Thị H6 cho rằng số vàng, bạc bị thu giữ tại hiệu vàng Tùng H là tài sản của vợ chồng chị, đề nghị trả lại số vàng bạc đã bị thu giữ cho vợ chồng chị thấy: Chị H6 không đưa ra được các căn cứ chứng minh số vàng, bạc bị thu giữ tại hiệu vàng Tùng H là của vợ chồng chị. Quá trình giải quyết vụ án, chị H6 và anh T15 đều thừa nhận không sống chung cùng với bị cáo S và cửa hàng vàng bạc là của bố mẹ lấy tên vợ chồng chị. Do đó,

không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của chị H6 đề nghị trả lại số vàng bạc thu giữ cho vợ chồng chị H6.

[3] Đối với kháng cáo của ông Trần Ngọc S1 đề nghị xem xét chênh lệch giá trị tài sản bị thiệt hại, ấn định thời hạn thi hành án và buộc bị cáo Lại Quang P (là người tiêu thụ tài sản trộm cắp) phải bồi thường cho ông, sau đó bị cáo N sẽ thực hiện nghĩa vụ hoàn lại cho bị cáo P thấy: Về nguyên tắc khi xác định thiệt hại trong vụ án hình sự thì giá trị tài sản thiệt hại được xác định theo giá trị tài sản tại thời điểm tài sản bị xâm phạm nên việc ông S1 đề nghị xem xét chênh lệch giá trị giữa giá vàng tại thời điểm định giá với giá vàng tại thời điểm hiện nay là không có căn cứ xem xét.

Về việc ấn định thời hạn thi hành án: Pháp luật không quy định việc ấn định thời hạn thi hành án cụ thể, mà quyền này đã được giải thích trong quyết định của bản án cụ thể là sau khi bản án có hiệu lực pháp luật ông S1 (là người được thi hành án) có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án. Trong trường hợp người có nghĩa vụ thi hành không thi hành hoặc chưa thực hiện hết các nghĩa vụ phải thi hành án thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả theo quy định của pháp luật.

Về yêu cầu buộc bị cáo Lại Quang P (là người tiêu thụ tài sản trộm cắp) phải bồi thường thiệt hại cho ông S1, sau đó bị cáo N sẽ thực hiện nghĩa vụ hoàn lại cho bị cáo P thấy: Về nguyên tắc khi giải quyết đối với tội chiếm đoạt tài sản thì bị cáo chiếm đoạt tài sản phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho người bị hại. Trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Văn N thực hiện hành vi trộm cắp chiếm đoạt tài sản tại hiệu vàng của gia đình ông và giá trị tài sản bị thiệt hại của gia đình ông theo kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự là 1.422.190.000 đồng. Quá trình điều tra, gia đình ông nhất trí với giá trị thiệt hại tài sản như Hội đồng định giá đã xác định và Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải bồi thường cho gia đình ông số tiền 1.422.190.000 đồng là đúng quy định của pháp luật và bảo đảm được quyền lợi của gia đình ông. Bị cáo Lại Quang P là người tiêu thụ tài sản do bị cáo N trộm cắp mà có và đã bán số vàng mua của bị cáo N cho Công ty Kim N nên theo quy định của pháp luật bị cáo P không có nghĩa vụ phải bồi thường thiệt hại cho người bị hại, nếu có căn cứ chứng minh bị cáo P được hưởng lợi từ việc tiêu thụ tài sản do trộm cắp mà có thì sẽ tịch thu sung quỹ Nhà nước đối với khoản thu lợi bất chính từ hành vi phạm tội của bị cáo P.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Tạ Thị S và người bị hại là chị Phí Thị Lan H5, bà Nguyễn Thị N2 (người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là chị Trần Thị Quỳnh H3), chị Nguyễn Thị H2 đề nghị được trả lại số vàng, bạc thu giữ của hiệu vàng Tùng H và hiệu vàng Kim P thấy:

Bị cáo Nguyễn Văn N thực hiện hành vi trộm cắp vàng, bạc (là đồ trang sức đã được chế tác) ở các tỉnh, thành phố; sau đó mang sang Trung Quốc bán

và có một số lần mang đến bán cho hiệu vàng Tùng H của bị cáo Tạ Thị S; hiệu vàng Kim P của bị cáo Lại Quang P ở thị xã Nghĩa L, tỉnh Yên Bái. Bị cáo Tạ Thị S thừa nhận 05 lần mua vàng, bạc của Nguyễn Văn N, trong đó có 02 lần mua riêng của bị cáo N và 03 lần mua chung cùng với bị cáo Lại Quang P. Bị cáo Lại Quang P cũng thừa nhận 07 lần mua vàng, bạc của Nguyễn Văn N, trong đó 04 lần mua riêng và 03 lần mua chung cùng với Tạ Thị S. Mỗi lần bị cáo N mang vàng, bạc đến bán có kí hiệu vàng khác nhau trong đó có ký hiệu KD-KN, KL, TL... nên bị cáo S và bị cáo P không nhớ chính xác đặc điểm từng loại vàng, bạc trang sức đã mua của bị cáo N.

Tài liệu hồ sơ vụ án thể hiện khi khám xét nơi ở của bị cáo Tạ Thị S và bị cáo Lại Quang P, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Lai Châu đã thu giữ và niêm phong đồ vật, tài liệu trong đó có toàn bộ vàng, bạc trang sức của hiệu vàng Tùng H và hiệu vàng Kim P do bị cáo S và bị cáo P làm chủ, nhưng Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Lai Châu không làm rõ trong sổ vàng, bạc thu giữ tại 02 hiệu vàng này thì sổ vàng, bạc nào là vật chứng của vụ án (là vàng, bạc bị cáo S, bị cáo P mua từ vàng, bạc bị cáo N trộm cắp của các bị hại và là của bị hại nào); vàng, bạc nào là tài sản của các bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội cũng như không tiến hành định giá đối với sổ vàng, bạc thu giữ tại 02 hiệu vàng. Trong khi đó bị cáo S, bị cáo P đều có lời khai thể hiện sau khi mua vàng, bạc trộm cắp của bị cáo N thì bị cáo S giữ lại một phần bày bán tại hiệu vàng của bị cáo và đã bán hết, số còn lại bán cho Công ty Kim N có trụ sở tại 56 Hàng B, Hà Nội; bị cáo P chuyển toàn bộ vàng mua của bị cáo N xuống bán cho Công ty Kim N, số bạc trang sức để lại và đã bán hết tại hiệu vàng của bị cáo. Việc mua, bán vàng tại Công ty Kim N có hóa đơn, giấy tờ ghi tiền, nhưng do lâu ngày không còn lưu giữ. Lời khai của bị cáo S, bị cáo P phù hợp với biên bản xác minh của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Lai Châu đối với ông Nguyễn Chiến T17 - Giám đốc Công ty Kim N về việc bị cáo S và bị cáo P có giao dịch mua, bán vàng với công ty, các lần mua bán đều có hóa đơn nhưng công ty không còn lưu giữ và do thời gian đã lâu nên không nhớ được đặc điểm, số lượng và không biết nguồn gốc vàng bị cáo S, bị cáo P bán cho công ty. Chủ cửa hàng vàng Tuyết M số 75 Hàng B cũng chỉ xác nhận bị cáo P có đến mua vàng một vài lần, không biết bị cáo S. Một số cửa hàng vàng khác tại Hà Nội như bà Nguyễn Thị Thu H10 - Chủ hiệu vàng Ngọc S (20 Giải P), ông Nguyễn Thanh T18 - Chủ cửa hàng vàng Tuấn L (48 Hàng B)...đều có lời khai xác nhận có bán vàng, bạc cho bị cáo S, P. Như vậy, sổ vàng, bạc bị cáo N trộm cắp không phải là vật đặc định mà chỉ là vật cùng loại, đã được bị cáo S, P bán cho Công ty Kim N, cửa hàng vàng khác ở Hà Nội và đã bày bán hết tại hiệu vàng của các bị cáo nên chưa có đủ căn cứ xác định sổ vàng, bạc thu giữ tại hiệu vàng Tùng H và hiệu vàng Kim P là sổ vàng, bạc trộm cắp của các bị hại; là vật chứng trong vụ án này.

Trong sổ tài sản là vàng, bạc thu giữ tại hiệu vàng Tùng H của bị cáo Tạ Thị S được niêm phong trong 03 hòm tôn (gồm: hòm số 1, hòm số 2 và hòm số

3) và số vàng, bạc thu giữ tại hiệu vàng Kim P của bị cáo P được niêm phong trong 01 hòm tôn. Khi thực hiện giám định chất lượng vàng, bạc thì hòm tôn số 1 của hiệu vàng Tùng H và hòm tôn của hiệu vàng Kim P được tách thành hòm số 1 A và hòm số 1B. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã trả lại cho bị cáo S hòm tôn số 1B, hòm tôn số 2 và hòm tôn số 3 và trả lại bị cáo P hòm tôn số 1B (được thể hiện tại bản án sơ thẩm và Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 03/2022/TB-TA ngày 06/01/2022).

Đối với hòm tôn số 1A thu giữ của hiệu vàng Tùng H và hiệu vàng Kim P: Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ kết quả kiểm tra ký hiệu vàng thu giữ tại hiệu vàng Tùng H và hiệu vàng Kim P có một số sản phẩm trang sức trùng với ký hiệu một số trang sức bị mất do một số bị hại cung cấp để trả lại một phần số vàng đang bị thu giữ của hiệu vàng Tùng H và hiệu vàng Kim P (là 02 hòm tôn mang số 1A bị thu giữ, niêm phong trong quá trình khám xét hiệu vàng Tùng H và hiệu vàng Kim P ngày 17/10/2019) cho 07 bị hại trong tổng số 23 bị hại trong khi tại phần trách nhiệm dân sự Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải bồi thường toàn bộ giá trị tài sản thiệt hại cho 23 bị hại và không làm rõ được trong số vàng, bạc thu giữ tại 02 hiệu vàng này thì tài sản nào là vật chứng của vụ án; tài sản nào là của các bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội như đã nêu trên; không xác định được khối lượng, giá trị số vàng, bạc tuyên trả theo kỷ phần đối với mỗi bị hại; không định giá đối với số vàng, bạc thu giữ tại hiệu vàng Tùng H và hiệu vàng Kim P là không đúng quy định về xử lý vật chứng được quy định tại Điều 89 Bộ luật tố tụng hình sự. Đồng thời, Tòa án cấp sơ thẩm lấy số vàng, bạc tạm giữ tại hiệu vàng Tùng H của bị cáo S để trả cho một số bị hại như ông Bùi Văn T12 (hiệu vàng Tuấn N), chị Nguyễn Thị H2 (hiệu vàng Long T), ông Nguyễn Văn T19 (hiệu vàng Tuấn T) trong khi tài sản trộm cắp của các bị hại này được bị cáo N bán cho bị cáo P và bán sang Trung Quốc, không liên quan đến hiệu vàng Tùng H của bị cáo S và trả cho bị hại (hiệu vàng Tuấn N) nhiều hơn số vàng (04 dây chuyền vàng) bị cáo N đã bán cho bị cáo P trong khi bị hại là ông Bùi Văn T12 không xác định được ký hiệu đặc trưng vàng, bạc bị trộm cắp; lấy số vàng, bạc tạm giữ tại hiệu vàng Kim P của bị cáo P trả cho bị hại Đỗ Xuân D1 trong khi bị cáo N bán tài sản trộm cắp của anh Đỗ Xuân D1 cho bị cáo S là không có căn cứ.

Quá trình điều tra, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu đã trả hồ sơ điều tra bổ sung trong đó có nội dung xác định các lần bán vàng, bạc của bị cáo S, bị cáo P và làm rõ số tiền thu lợi bất chính của 02 bị cáo này. Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Lai Châu đã tiến hành làm việc, xác minh tại một số cửa hàng vàng ở Hà Nội, Hưng Yên có giao dịch với bị cáo S, bị cáo P nhưng không làm rõ được số tiền thu lợi bất chính do Công ty Kim N (là địa điểm các bị cáo S, P khai bán vàng ở Hà Nội) chỉ xác nhận có giao dịch mua, bán vàng với bị cáo S, bị cáo P, các lần mua bán đều có hóa đơn nhưng công ty không còn lưu giữ hóa đơn với lý do lượng khách giao dịch nhiều nên sau 01 tháng công ty sẽ hủy các hóa đơn

cũ. Các cửa hàng vàng khác ở Hà Nội chỉ thừa nhận có bán vàng, bạc cho bị cáo S, P. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã làm rõ được số tiền thu lợi bất chính của bị cáo S, bị cáo P từ việc tiêu thụ tài sản do bị cáo N trộm cắp mà có và xác định được bị cáo S thu lợi tổng số tiền là 145 triệu đồng và bị cáo P hưởng lợi 170 triệu đồng. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của các bị cáo S, P tại cơ quan điều tra. Đây là số tiền các bị cáo S, P được hưởng lợi từ việc bán tài sản do trộm cắp mà có nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước theo quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó, tiếp tục tạm giữ số vàng, tài sản đựng trong hòm tôn được niêm phong có ghi “*Hiệu vàng Tùng H, hòm số 1A, tạm giữ đồ vật trong quá trình khám xét ngày 17/10/2019*” và “*Đồ vật tạm giữ đồ vật trong quá trình khám xét Hiệu vàng Kim P ngày 17/10/2019, hòm số 1A*” của bị cáo S và bị cáo P để đảm bảo thi hành án đối với khoản tiền thu lợi bất chính của bị cáo S và bị cáo P như đã nêu trên. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của các bị hại là chị Phí Thị Lan H5, bà Nguyễn Thị N2, chị Nguyễn Thị H2 yêu cầu được nhận tài sản từ số vàng thu giữ tại hiệu vàng Tùng H của bị cáo S và hiệu vàng Kim P của bị cáo P; chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo S đề nghị trả lại tài sản bị thu giữ.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho 23 bị hại là đúng và đã đảm bảo quyền lợi của tất cả các bị hại. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm thể hiện bị hại là chị Vũ Thị Kim D yêu cầu bị cáo N phải bồi thường thêm 500 triệu đồng là giá trị tài sản bị cáo N trộm cắp không định giá được ngoài số tiền 5.569.053.874 đồng giá trị tài sản bị thiệt hại theo kết luận Hội đồng định giá đã xác định. Bị cáo N cũng đồng ý bồi thường số tiền 500 triệu đồng theo yêu cầu của chị D nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa buộc bị cáo N phải bồi thường cho chị D số tiền 500 triệu đồng là thiếu sót nên Hội đồng xét xử phúc thẩm bổ sung cho đầy đủ.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét.

[7] Về án phí: Do chấp nhận một phần kháng cáo nên bị cáo Tạ Thị S và các bị hại là chị Vũ Thị Kim D, chị Nguyễn Thị H2, bà Nguyễn Thị N2 (người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là chị Trần Thị Quỳnh H3), ông Tống Văn L2 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Các bị cáo Nguyễn Văn N và Lại Quang P không có kháng cáo nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Kháng cáo của người bị hại là ông Trần Ngọc S1, chị Phí Thị Lan H5 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Bùi Thị H6 không được chấp nhận nên ông S1, chị H5 và chị H6 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1.1]. Chấp nhận một phần kháng cáo của người bị hại là chị Vũ Thị Kim D, chị Nguyễn Thị H2, bà Nguyễn Thị N2, ông Tống Văn L2 về việc đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn N. Không chấp nhận kháng cáo của người bị hại là chị Vũ Thị Kim D, chị Nguyễn Thị H2, bà Nguyễn Thị N2 (người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là chị Trần Thị Quỳnh H3), ông Tống Văn L2 về việc đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Tạ Thị S, Lại Quang P, đề nghị xem xét dấu hiệu bỏ lọt tội phạm đối với Bùi Thị H6, Nguyễn Thanh T15; làm rõ nguồn gốc tài sản của Hà Thị Q.

- Không chấp nhận kháng cáo của người bị hại là ông Trần Ngọc S1 về việc xem xét chênh lệch giá trị thiệt hại và ấn định thời hạn thi hành án; buộc bị cáo P phải bồi thường thiệt hại cho gia đình ông, sau đó bị cáo N thực hiện nghĩa vụ hoàn lại cho bị cáo P.

- Không chấp nhận kháng cáo của người bị hại là chị Phí Thị Lan Hương, chị Nguyễn Thị H2, bà Nguyễn Thị N2 (người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là chị Trần Thị Quỳnh H3) đề nghị trả lại số tài sản thu giữ tại hiệu vàng Tùng H6 và hiệu vàng Kim P của bị cáo S, bị cáo P cho các chị và bà N2.

- Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Bùi Thị H6 về việc đề nghị trả lại tài sản bị thu giữ tại hiệu vàng Tùng H cho vợ chồng chị H6, anh T15.

- Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Tạ Thị S.

Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2021/HS-ST ngày 13/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu về phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn N; giữ nguyên hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2021/HS-ST ngày 13/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu đối với bị cáo Tạ Thị S và Lại Quang P, cụ thể như sau:

- Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 173; điểm r, s, t khoản 1 Điều 51; điểm b, g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 55; Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn N 20 (Hai mươi) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt 05 năm 09 tháng tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2019/HSST ngày 21/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Nam S, tỉnh Hải Dương; hình phạt 39 tháng tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2019/HSST ngày 30/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm G, tỉnh Hải Dương và hình phạt 16 năm tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 59/2019/HSST ngày 12/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải chấp hành hình phạt

chung là 30 (Ba mươi) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 21/12/2018.

- Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt:

+ Bị cáo Lại Quang P 11 (Mười một) năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Thời hạn tù tính từ ngày 17/10/2019.

+ Bị cáo Tạ Thị S 10 (Mười) năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Thời hạn tù tính từ ngày 18/10/2019.

[1.2] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải bồi thường thiệt hại cho chị Vũ Thị Kim D, sinh năm 1961, trú tại: Số nhà 187 Hàng T, phường Quang T, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định số tiền 6.069.053.874 đồng (Sáu tỉ, không trăm sáu mươi chín triệu, không trăm năm mươi ba nghìn, tám trăm bảy mươi bốn đồng).

- Giữ nguyên các quyết định khác tại phần trách nhiệm dân sự của bản án sơ thẩm.

[2] Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm d khoản 1 Điều 357; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 47; khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Tạ Thị S về phần xử lý vật chứng, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2021/HS-ST ngày 13/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu về phần biện pháp tư pháp, cụ thể như sau:

[2.1] Truy thu, tịch thu số tiền thu lợi bất chính:

- Truy thu, tịch thu của bị cáo Lại Quang P số tiền 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

- Truy thu, tịch thu của bị cáo Tạ Thị S số tiền 145.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

[2.2] Trả lại cho bị cáo Tạ Thị S toàn bộ số vàng, tài sản đựng trong 01 hòm tôn được khóa bằng khóa Việt Tiệp, các mép nắp hòm được dán giấy và băng dính trong suốt. Trên mặt hòm tôn có dán một tờ giấy A4 màu trắng trên giấy ghi “*Hiệu vàng Tùng H, hòm số 1A, tạm giữ đồ vật trong quá trình khám xét ngày 17/10/2019*”. Tại các mép nắp hòm tôn có dán tờ giấy có chữ ký và tên của những người niêm phong và hình dấu tròn của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Lai Châu. Đồ vật, tài liệu bên trong hòm (có thống kê tại biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu, niêm phong của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Lai Châu kèm theo).

- Trả lại cho bị cáo Lại Quang P toàn bộ số vàng, tài sản đựng trong 01 hòm tôn được khóa bằng khóa Việt Tiệp, các mép hòm được dán băng dính trong suốt. Trên mặt hòm tôn có dán một tờ giấy A4 màu trắng trên giấy ghi

“Đồ vật tạm giữ trong quá trình khám xét tiệm vàng Kim P ngày 17/10/2019, hòm 1A”. Tại các mép nắp hòm tôn có dán tờ giấy có chữ ký và tên của những người niêm phong và hình dấu tròn của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Lai Châu. Đồ vật, tài liệu bên trong hòm (có thống kê tại biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu, niêm phong của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Lai Châu kèm theo).

- Tiếp tục tạm giữ toàn bộ số vàng, tài sản đựng trong 02 hòm tôn đã được mô tả chi tiết tại mục [2.2] nêu trên của bị cáo Tạ Thị S và bị cáo Lại Quang P (gồm: 01 hòm tôn được khóa bằng khóa Việt Tiệp, các mép nắp hòm được dán giấy và băng dính trong suốt. Trên mặt hòm tôn có dán một tờ giấy A4 màu trắng trên giấy ghi “Hiệu vàng Tùng H, hòm số 1A, tạm giữ đồ vật trong quá trình khám xét ngày 17/10/2019” và 01 hòm tôn được khóa bằng khóa Việt Tiệp, các mép hòm được dán băng dính trong suốt. Trên mặt hòm tôn có dán một tờ giấy A4 màu trắng trên giấy ghi “Đồ vật tạm giữ trong quá trình khám xét tiệm vàng Kim P ngày 17/10/2019, hòm 1A”) để đảm bảo thi hành án đối với khoản tiền truy thu, tịch thu số tiền thu lợi bất chính của bị cáo Tạ Thị S và bị cáo Lại Quang P.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Nguyễn Văn N, Tạ Thị S, Lại Quang P; người bị hại là chị Vũ Thị Kim D, chị Nguyễn Thị H2, bà Nguyễn Thị N2 (người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là chị Trần Thị Quỳnh H3), ông Tống Văn L2 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Người bị hại là ông Trần Ngọc S1, chị Phí Thị Lan H5 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Bùi Thị H6 mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu bên có nghĩa vụ thi hành án chưa thi hành án xong thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm thi hành án.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDTC;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Lai Châu;
- Công an tỉnh Lai Châu;
- Cục THADS tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Các bị cáo (qua trại);
- Người bị hại, NLQ (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ; phòng HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phương Hạnh

